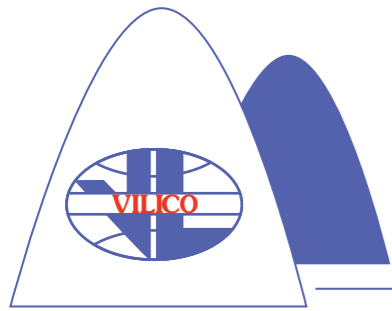




Khai phá tiềm năng
Khai sinh giá trị

2023
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 06
CÁC CON SỐ NỔI BẬT 2023 08

1 THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát	12
Tầm nhìn, sứ mệnh, triết lý nền tảng	14
Quá trình hình thành và phát triển	16
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	18
Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	22
Giới thiệu Hội đồng Quản trị	26
Giới thiệu Ban Điều hành	28
Giới thiệu Ban Kiểm soát	34
Định hướng phát triển	36
Quản trị rủi ro	38

2 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	44
Tổ chức và nhân sự	46
Tình hình tài chính	48
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	50
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội	52

3 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	60
Kế hoạch phát triển trong tương lai	64

4 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	68
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Điều hành	70
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị	72

5 QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng Quản trị	76
Ban Kiểm soát	82
Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan	86
Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ và người có liên quan 2023	88
Tình hình thực hiện các quy định về quản trị công ty	90

6 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thông tin về tổng công ty	96
Báo cáo của ban tổng giám đốc	97
Báo cáo kiểm toán độc lập	98
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	100
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	97
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	98
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	106





DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	:	Hội đồng Quản trị
BKS	:	Ban Kiểm soát
TGD	:	Tổng Giám đốc
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
CTCP	:	Công ty cổ phần



THÔNG ĐIỆP

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



DOANH THU HỢP NHẤT CỦA CÔNG TY ĐẠT 3.154,1 TỶ ĐỒNG TĂNG 0,4% SO VỚI NĂM 2022 VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ LÀ 289,1 TỶ ĐỒNG, TĂNG 21,7% SO VỚI CÙNG KỲ.

Kính gửi: Quý cổ đông,

Năm 2023, Việt Nam thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội trong bối cảnh thuận lợi, cơ hội và khó khăn, thách thức đan xen nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn. Hậu quả từ đại dịch COVID-19 kéo dài; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột Nga - Ukraine và tại dải Gaza diễn biến phức tạp. Kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm; thương mại, đầu tư quốc tế suy giảm; lạm phát neo ở mức cao, nhiều đồng tiền mất giá; nợ công toàn cầu tăng mạnh; các thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản tiềm ẩn nhiều rủi ro. An ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh mạng gặp nhiều thách thức; thiên tai, biến đổi khí hậu gây hậu quả nghiêm trọng.

Ở trong nước, chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử; tuy nhiên, nền kinh tế đang trong quá trình chuyển đổi, quy mô còn khiêm tốn, độ mở lớn, khả năng cạnh tranh, sức chống chịu còn hạn chế; chịu tác động của nhiều yếu tố bất lợi bên ngoài và những hạn chế, bất cập bên trong kéo dài nhiều năm; dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, gây thiệt hại nặng nề ở nhiều địa phương.

Cùng với nỗ lực của Ban Điều hành và tập thể cán bộ công nhân viên, Vilico tiếp tục duy trì được sự ổn định trong hoạt động kinh doanh. Doanh thu hợp nhất của Công ty đạt 3.154,1 tỷ đồng tăng 0,4% so với năm 2022 và lợi nhuận sau thuế là 289,1 tỷ đồng, tăng 21,7% so với

cùng kỳ. Với chiến lược tái cơ cấu hoạt động Công ty và tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi là chăn nuôi và sản xuất sữa, Vilico đã và đang từng bước thoái vốn khỏi các công ty liên kết không hiệu quả và tập trung nguồn lực hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của Công ty con là Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu cũng như tăng vốn vào Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật - Công ty liên doanh với tập đoàn Sojitz (Nhật Bản). Ngày 8/3/2023, tại Tam Đảo, Vĩnh Phúc, Tổ hợp chăn nuôi & Chế biến thịt bò Vinabeef Tam Đảo - dự án đầu tiên trong kế hoạch đầu tư, hợp tác giữa các tập đoàn hàng đầu Việt Nam và Nhật Bản về nông nghiệp công nghệ cao - chăn nuôi và chế biến bò thịt đã được khởi công. Với các thế mạnh sẵn có của các đối tác trong dự án là Vinamilk, Vilico và Sojitz, chúng tôi tin tưởng rằng đây sẽ là điển hình cho sự hợp tác giữa các doanh nghiệp Việt Nam - Nhật Bản trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, định hướng phát triển bền vững. Từ đó, đưa Vinabeef không chỉ trở thành một thương hiệu sản phẩm thịt nói riêng mà còn là thương hiệu thực phẩm an toàn và uy tín nói chung, với các sản phẩm đạt chất lượng quốc tế, phục vụ thị trường Việt Nam và xuất khẩu.

Với việc các dự án trọng điểm đang được triển khai theo đúng tiến độ, chúng tôi tin tưởng Vilico sẽ duy trì đà phát triển với nền tảng vững chắc trong lĩnh vực chăn nuôi và sản xuất sữa trong thời gian tới.

Kính chúc quý cổ đông sức khỏe và an Khang thịnh vượng!

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



DOANH THU HỢP NHẤT

3.154

TỶ ĐỒNG

↑ 0,4% SO VỚI NĂM 2022



CÁC CON SỐ NỔI BẬT 2023

600 đồng/cổ phần



TỶ LỆ CHI TRẢ CỔ TỨC

3.152 tỷ đồng

DOANH THU THUẦN
HỢP NHẤT

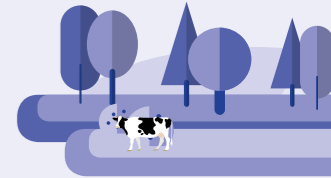
2.124,9 tỷ đồng

VỐN ĐIỀU LỆ

289 tỷ đồng

LỢI NHUẬN SAU THUẾ ĐẠT 289 TỶ VNĐ,
TĂNG 21,7% SO VỚI CÙNG KỲ, TĂNG 17,9%
SO VỚI KẾ HOẠCH

21,7%



40.145.438 CỔ PHIẾU

CHÀO BÁN
THÀNH
CÔNG RA
CÔNG
CHỨNG



866 người

TỔNG NHÂN SỰ
BAO GỒM CẢ CÔNG TY CON



327 tỷ đồng



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

1.426 tỷ đồng

VỐN GÓP CÙNG VỚI
TẬP ĐOÀN SOJITZ TẠI
CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT



02
CÔNG TY CON

05
CÔNG TY LIÊN KẾT

03
ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC



157 tỷ đồng

LỢI NHUẬN CỔ ĐÔNG
CÔNG TY MẸ

TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA VILICO
TẠI MỘC CHÂU MILK

59,3%

>2.139 tỷ đồng



TỔNG GIÁ TRỊ PHẦN VỐN CỦA VILICO
ĐANG ĐẦU TƯ TẠI CÁC DOANH NGHIỆP
(TÍNH THEO GIÁ GỐC)

CHƯƠNG 01 THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát	12
Tầm nhìn, sứ mệnh, triết lý nền tảng	14
Quá trình hình thành và phát triển	16
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	18
Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	22
Giới thiệu Hội đồng Quản trị	26
Giới thiệu Ban Điều hành	28
Giới thiệu Ban Kiểm soát	34
Định hướng phát triển	36
Quản trị rủi ro	38



Khởi động hành trình
Bứt phá tương lai



THÔNG TIN

KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	0100104443 đăng ký lần đầu ngày 30/6/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 16/11/2023
Vốn điều lệ	2.124.916.110.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.124.916.110.000 đồng
Địa chỉ:	Số 519, đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Số điện thoại	024.38621688
Website	www.vilico.vn
Mã cổ phiếu (Upcom)	VLC
* Các sự kiện khác	Không có







TÂM NHÌN, SỨ MỆNH

TRIẾT LÝ NỀN TẢNG



TÂM NHÌN

Vilico định hướng trở thành doanh nghiệp:




-  Hoạt động hiệu quả trong lĩnh vực nông nghiệp, cung cấp các sản phẩm sữa và thịt chất lượng, an toàn và giàu dinh dưỡng.
-  Phát triển cùng cộng đồng, để bảo vệ môi trường và mang lại lợi ích tốt nhất cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và xã hội.

SỨ MỆNH

Vilico tập trung trong việc:

-  Đổi mới sản phẩm và nỗ lực mang đến các sản phẩm sạch có chất lượng, vì sức khỏe cộng đồng;
-  Khẳng định giá trị và phát triển các thương hiệu lâu đời của Việt Nam tại thị trường trong nước và quốc tế.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

-  **Thân thiện**
Giữ gìn và bảo tồn các vùng nguyên liệu, an toàn với người sản xuất và môi trường, tạo ra các sản phẩm tốt cho sức khỏe.
-  **Phát triển**
Không ngừng sáng tạo và nâng cao chất lượng để mang tới những sản phẩm tốt nhất tới cộng đồng, hướng tới mục tiêu đưa các sản phẩm thực phẩm sạch Việt Nam đến thị trường Quốc tế.
-  **Sẻ chia**
Quan tâm, thấu hiểu các lợi ích của cộng đồng, người lao động và khách hàng; tâm huyết và có trách nhiệm trong mọi hoạt động, góp phần phát triển nền kinh tế và các chương trình an sinh xã hội.

TRIẾT LÝ KINH DOANH

-  **Đối với khách hàng**
Chất lượng sản phẩm được đặt lên hàng đầu.
-  **Đối với nhân viên**
Đời sống của nhân viên là trách nhiệm ưu tiên.
-  **Đối với các cổ đông**
Đảm bảo lợi ích lâu dài cho các cổ đông.
-  **Đối với xã hội**
Thành quả của doanh nghiệp luôn gắn kết với cộng đồng.





QUÁ TRÌNH

HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



1996

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 862 NN-TC-CB/QĐ ngày 21/6/1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bao gồm các đơn vị thành viên có quan hệ gắn bó về kinh tế, công nghệ, thương mại, thông tin, khoa học - kỹ thuật, đào tạo, nghiên

cứu,... hoạt động trong ngành chăn nuôi, nhằm thực hiện việc tích tụ, tập trung phân công chuyên môn hóa và hợp tác kinh doanh để hoàn thành nhiệm vụ Nhà nước giao, nâng cao khả năng kinh doanh và hiệu quả kinh tế của từng đơn vị thành viên và toàn Tổng Công ty, đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế.



2005

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 2799/QĐ/BNN-ĐMDN ngày 17/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



2010

Công ty mẹ - Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 1470/QĐ/BNN-ĐMDN ngày 01/06/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



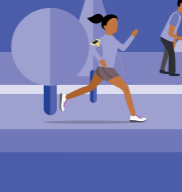
2012

Thực hiện Quyết định số 119/QĐ/BNN-ĐMDN ngày 17/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng Công ty đã liên tục triển khai thực hiện ngay các nội dung công việc để cổ phần hóa Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên.



2013

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/07/2013, kế thừa các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên theo các quy định của pháp luật.



2015

Từ năm 2015 Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP triển khai thực hiện phương án thoái vốn toàn bộ phần vốn Nhà nước. Tháng 6/2016, phương án thoái vốn Nhà nước tại Tổng Công ty được thực hiện hoàn tất và trong cơ cấu vốn điều lệ của Tổng Công ty không còn cổ đông Nhà nước.



2019

Tháng 12/2019, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk) chính thức sở hữu 75% của Công ty mẹ GTNfoods. Do đó Vilico bắt đầu hoạt động với tư cách là đơn vị thành viên của Vinamilk.



2021

Thành lập Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật (JVL), liên doanh Vilico (51%) với Tập đoàn Sojitz của Nhật Bản (49%). Đầu tư tập trung vào hoạt động chăn nuôi, sản xuất, chế biến, phân phối thịt bò.



2022

Tháng 03/2022, Vilico đã sáp nhập với GTNfoods với mục tiêu tái cấu trúc, tinh gọn bộ máy, tăng năng suất hoạt động. Vốn điều lệ tăng từ 631.010.000.000 đồng lên 1.723.461.730.000 đồng.



2023

Tháng 3/2023, tại Tam Đảo, Vĩnh Phúc, Tổ hợp Chăn nuôi & Chế biến thịt bò Vinabeef Tam Đảo - dự án đầu tiên trong kế hoạch đầu tư, hợp tác giữa các tập đoàn hàng đầu Việt Nam và Nhật Bản về nông nghiệp công nghệ cao - chăn nuôi và chế biến bò thịt đã được khởi công. Tháng 09/2023, Vilico phát hành thành công 40.145.438 cổ phiếu, vốn điều lệ tăng từ 1.723.461.730.000 đồng lên 2.124.916.110.000 đồng.





NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ



CÁC NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

CỦA TỔNG CÔNG TY BAO GỒM





NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

ĐỊA BÀN KINH DOANH

VĨNH PHÚC

- **Công ty Chăn nuôi Tam Đảo:** có trụ sở tại xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

HƯNG YÊN

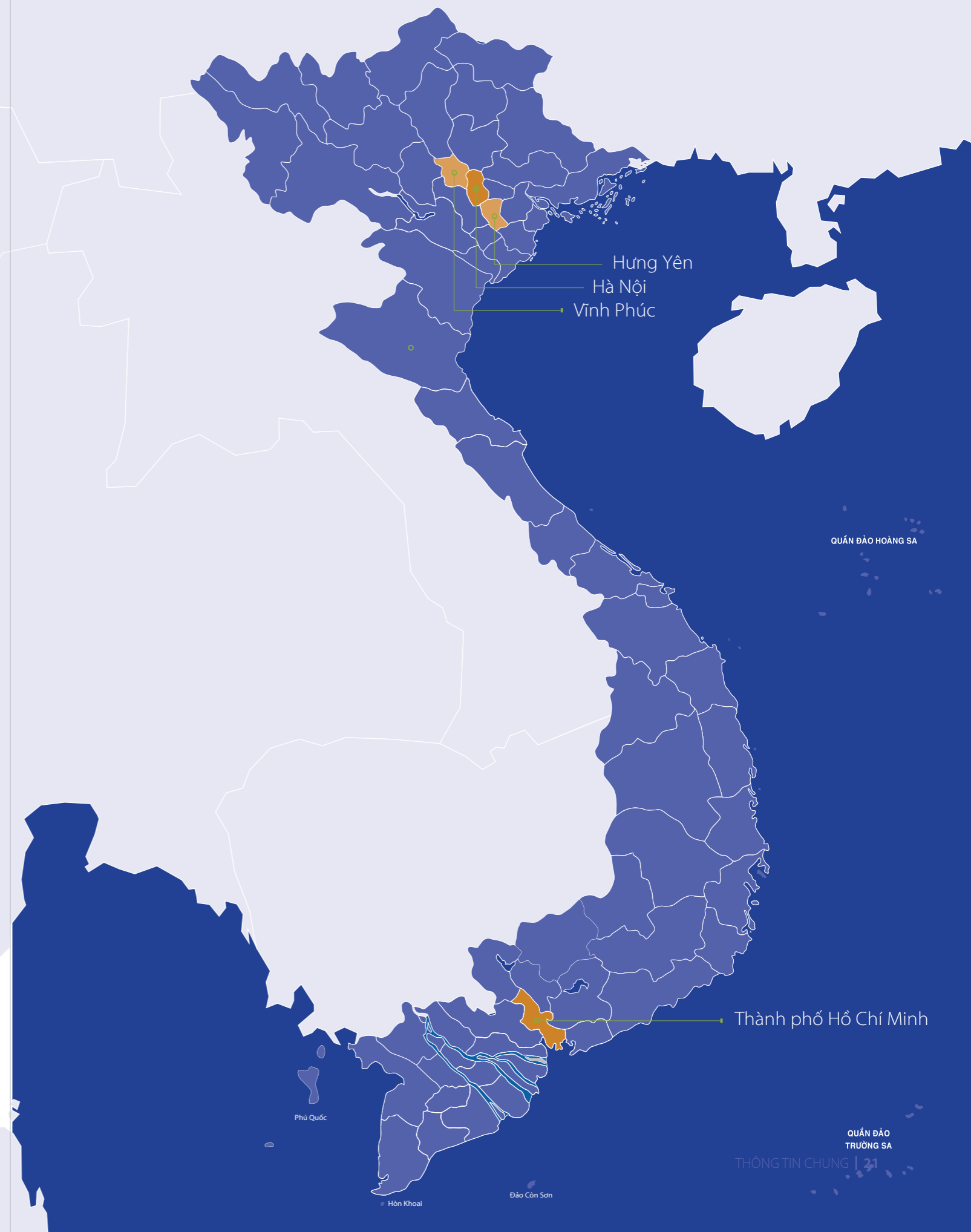
- **Chi nhánh Chăn nuôi Mỹ Văn:** có trụ sở tại xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

HÀ NỘI

- **Xí nghiệp Thức ăn Chăn nuôi An Khánh:** có trụ sở tại xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội.
- **Trung tâm Thương mại và Thiết bị tổng hợp:** có trụ sở tại số 6 Nguyễn Công Trứ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Chi nhánh Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh:** có trụ sở tại số 87 Nguyễn Du, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- **Xí nghiệp Truyền giống gia súc và Phát triển chăn nuôi miền Nam:** có trụ sở tại 42/18 Nguyễn Bình Khiêm, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

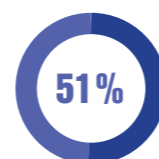


MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

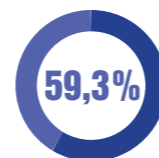
Hiện mô hình sở hữu của Công ty bao gồm 2 công ty con, 5 công ty liên kết, 3 khoản đầu tư vào đơn vị khác cụ thể như sau:

CÔNG TY CON % Sở hữu tại ngày 31/12/2023

1 CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT
Địa chỉ: Hà Nội
Ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh: Bán buôn thực phẩm

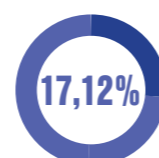


2 CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG BÒ SỮA MỘC CHÂU
Địa chỉ: Sơn La
Ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh: Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa

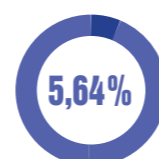


ĐẦU TƯ VÀO ĐƠN VỊ KHÁC % Sở hữu tại ngày 31/12/2023

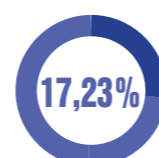
1 CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU
Địa chỉ: Hà Nội
Ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh: Chăn nuôi gia cầm



2 CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA ĐÀ LẠT
Địa chỉ: Lâm Đồng
Ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất sữa và các sản phẩm từ sữa



3 CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI TRUNG ƯƠNG
Địa chỉ: Hà Nội
Ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất thức ăn chăn nuôi

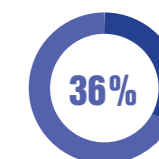


CÔNG TY LIÊN KẾT % Sở hữu tại ngày 31/12/2023

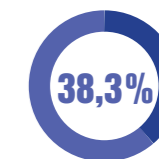
1 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SÚC SẢN GIA CẦM HẢI PHÒNG
Địa chỉ: Hải Phòng
Ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh: Chăn nuôi gia cầm



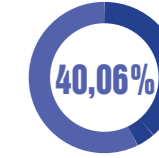
2 CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI PETER HAND HÀ NỘI
Địa chỉ: Hà Nội
Ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản



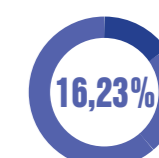
3 CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG
Địa chỉ: Lâm Đồng
Ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh: Chế biến rượu các loại, nhân điều xuất khẩu và các loại nông sản thực phẩm; trồng và sản xuất các loại cây nông sản



4 CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA MIỀN TRUNG
Địa chỉ: Quảng Nam
Ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất ống nhựa và các sản phẩm từ plastic



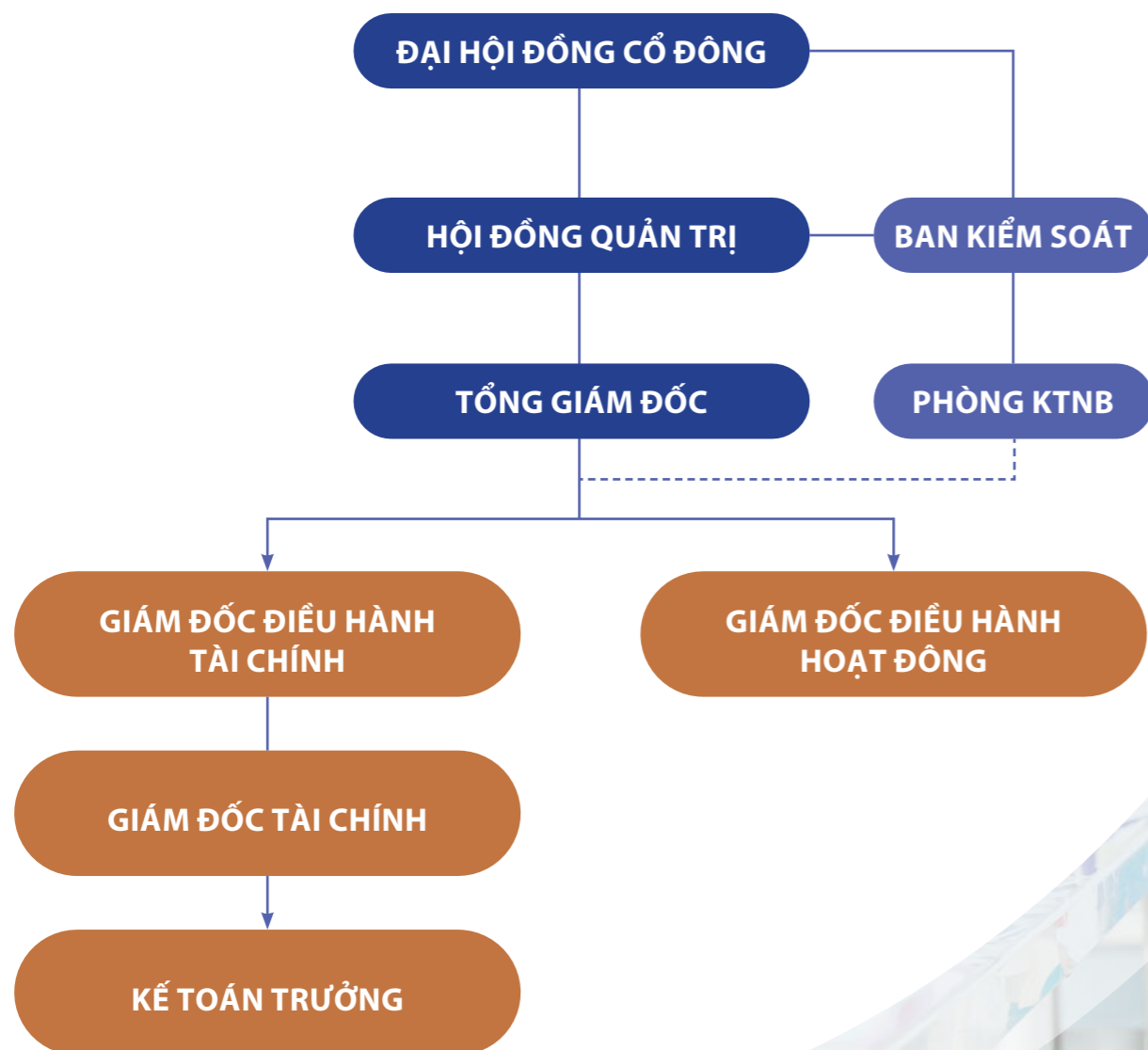
5 TỔNG CÔNG TY CHÈ VIỆT NAM - CTCP
Địa chỉ: Hà Nội
Ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất kinh doanh chè



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

TIẾP THEO

BỘ MÁY QUẢN LÝ





GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BÀ MAI KIỀU LIÊN

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn

Chứng chỉ Quản lý Kinh tế - Đại học Kỹ sư Kinh tế Leningrad, Nga.

Chứng chỉ Quản lý Chính trị - Học viện Chính trị Quốc gia, Việt Nam.

Kỹ sư công nghệ chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa - Đại học Công nghiệp Chế biến thịt và sữa, Moscow, Nga.

Chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty.

Kinh nghiệm

Bà có 32 năm kinh nghiệm trong vai trò Tổng Giám đốc (từ 1992 đến nay), lãnh đạo Vinamilk qua nhiều thời kỳ. Trước đó, bà có hơn 8 năm công tác (1984 - 1992) với vị trí Phó Tổng Giám đốc Vinamilk, phụ trách lĩnh vực kinh tế. Từ năm 1976 đến năm 1983, bà trải qua các vị trí tại nhiều bộ phận khác nhau ở nhiều nhà máy và trở thành Phó Giám đốc Kỹ thuật - Nhà máy Sữa Thống Nhất năm 1982.

Các khen thưởng

Huân chương Độc lập Hạng Ba do Nhà nước trao tặng (2022).

Giải thưởng Doanh nhân xuất sắc do Tạp chí Kinh tế Việt Nam - Vneconomy vinh danh (2022).

Giải thưởng Nhà Khoa học của Nhà nông (2022).

Giải thưởng "Thành tựu trọn đời" do Forbes Vietnam lần đầu vinh danh (2018).

50 Phụ nữ Ảnh hưởng nhất Việt Nam do Forbes Vietnam bình chọn (2017).

50 Nữ doanh nhân quyền lực nhất Châu Á do Forbes Asia bình chọn 4 năm liên tiếp (2012-2015).

Giải thưởng Nikkei Châu Á và New Zealand ASEAN (2015).

Giải thưởng Nhà quản trị doanh nghiệp xuất sắc do Corporate Governance Asia bình chọn (2014).

Huân chương Lao động Hạng Nhất do Nhà nước trao tặng (2006).

Danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới do Nhà nước trao tặng (2005).

Huân chương Lao động Hạng Nhì do Nhà nước trao tặng (2001).

Chức vụ tại các tổ chức khác

Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam.

Chủ tịch, Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam.

Chủ tịch, Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa.

Thành viên HĐQT, Driftwood Dairy Holdings Corporation.

Chủ tịch HĐQT, Lao - Jagro Development Xiengkhouang Co., Ltd.

Thành viên HĐQT, Miraka Limited.

Chủ tịch HĐQT Công ty CP Giống bò sữa Mộc Châu.

Chủ tịch Hội đồng Thành viên, Del Monte-Vinamilk Dairy Philippines, Inc.



ÔNG LÊ THÀNH LIÊM

Thành viên Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn

Thạc sĩ Tài chính và Thương mại Quốc tế - Đại học Leeds Metropolitan (Anh Quốc) (năm 2012).

Cử nhân Kinh tế - Đại học Tài chính - Kế toán TP. HCM (năm 1994).

Chứng chỉ Chương trình đào tạo chuyên sâu Thành viên HĐQT (DCP) - Viện Thành viên HĐQT Việt Nam (VIOD).

Chứng nhận Chương trình đào tạo Lãnh đạo Toàn cầu (Global Leadership Program-GLP) - Học viện Quản lý PACE.

Kinh nghiệm

Ông có hơn 26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán - tài chính và đảm nhiệm vị trí Giám đốc Điều hành Tài chính kiêm Kế toán trưởng từ năm 2015.

2003 - 2015: Ông đảm nhiệm các vị trí quản lý tại Phòng Tài chính - Kế toán của Vinamilk như: Phó Phòng Kế toán, Kế toán trưởng.

1994 - 2003: Ông trải qua nhiều vị trí khác nhau tại Phòng Tài chính - Kế toán của Vinamilk.

Chức vụ tại tổ chức khác

Thành viên HĐQT kiêm GDĐH Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam.

Thành viên HĐQT Del Monte - Vinamilk Dairy Philippines, Inc.



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TIẾP THEO



ÔNG TRỊNH PHƯƠNG NAM

Thành viên Hội đồng Quản trị

(Bổ nhiệm TV HĐQT ngày 27/04/2023)

Trình độ chuyên môn

Kỹ sư Công nghệ thực phẩm - Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh.

Thạc sĩ Vi sinh thực phẩm - Đại học Bourgogne, Thành phố Dijon, Cộng hòa Pháp.

Kinh nghiệm

2023 - nay: Giám đốc Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam (Công ty thành viên của Vinamilk).

2015 - 2023: Giám đốc Nông Nghiệp Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam (Công ty thành viên của Vinamilk).

2012 - 2014: Trưởng ban Quản lý Chất lượng Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam - Nhà máy Sữa Việt Nam.

2010 - 2012: Nhân viên Kỹ thuật Công nghệ Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam - Nhà máy Sữa Sài Gòn.

Chức vụ tại tổ chức khác

Giám đốc Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam

Thành viên HĐQT Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP

Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật



ÔNG ĐỖ HOÀNG PHÚC

Thành viên Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn

Cử nhân ngành Quản lý hành chính - Đại học Cảnh sát Nhân dân (1991).

Cử nhân ngành Điều tra tội phạm - Đại học An ninh Nhân dân (1999).

Cử nhân Chính trị - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2003).

Kinh nghiệm

2021 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Đăklak.
2019 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi.

2018 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

2018 - nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nam Phương Imex.

2011 - 2017: Phó Giám đốc - Sở Giao thông Vận tải tỉnh Ninh Bình.

2009 - 2011: Phó Chánh văn phòng - Tỉnh ủy Ninh Bình.

1975 - 2008: Đại tá Cảnh sát nhân dân - Công an tỉnh Ninh Bình.

Chức vụ tại tổ chức khác

Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Đăklak.

Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi.

Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nam Phương Imex.



ÔNG NGUYỄN HỒNG BÁCH

Thành viên Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Luật - Đại học Luật Hà Nội (1994-1998).

Chứng chỉ đào tạo nghề luật sư - Học viện Tư pháp (2002).

Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm - Đại học Sư phạm II Hà Nội (2011).

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Quốc tế - Đại học Griggs Hoa Kỳ (2012-2014).

Thạc sĩ Luật - Đại học Kiểm sát Hà Nội (2019 - 2021).

Kinh nghiệm

2015 - 2019: Luật sư thành viên, Công ty Luật TNHH Bross và cộng sự.

2010 - 2014: Chủ tịch Hội đồng Thành viên, Công ty luật hợp danh Hồng Bách và Cộng sự.

2008 - 2010: Chủ tịch Hội đồng tư vấn, Văn phòng Luật sư Hồng Bách và Cộng sự.

2004 - 2008: Phó trưởng văn phòng phụ trách về chuyên môn và đào tạo Luật sư, Văn phòng Luật sư Phạm Hồng Hải và Cộng sự.

2004 - 2008: Trợ lý Giám đốc, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hoàng Gia.

Chức vụ tại tổ chức khác

Chủ tịch Hội đồng tư vấn Công ty Luật TNHH Hồng Bách và Cộng sự.

Phó Chủ nhiệm Đoàn luật sư tỉnh Hà Nam.

Viện trưởng Viện Ứng dụng khoa học công nghệ và luật pháp.

Thành viên Hội đồng trường Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội.

Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nông nghiệp Nam Sông Hồng.

Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hà Nam Group.

Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Thiên Thành.

Giám đốc Hợp tác xã nông nghiệp Bắc Hải Châu.

Giám đốc Trung tâm tư vấn pháp luật - Đoàn Luật sư tỉnh Hà Nam.



GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG TRỊNH PHƯƠNG NAM

Tổng Giám đốc

(Bổ nhiệm Tổng Giám đốc từ ngày 01/05/2023, miễn nhiệm Tổng Giám đốc từ ngày 20/10/2023)

Xem chi tiết tại mục Giới thiệu Hội đồng Quản trị



ÔNG ĐOÀN QUỐC KHÁNH

Tổng Giám đốc

(Bổ nhiệm Tổng Giám đốc từ ngày 20/10/2023)

Trình độ chuyên môn

Kỹ sư tự động hóa - Đại học Tổng hợp Công nghệ sinh học Mát-xcơ-va.

Kinh nghiệm

9/2023 - nay: Giám đốc Điều hành Khối phát triển vùng nguyên liệu của Vinamilk.

10/2023 - nay: Tổng Giám đốc Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP.

2016 - 2023: Tổng Giám đốc Angkor Dairy Products Co., Ltd. tại Campuchia.

2013 - 2016: Trưởng Dự án, Dự án Nhà máy sữa Angkor - Campuchia, năm 2015 bắt đầu qua làm việc toàn phần tại Campuchia giám sát xây dựng, lắp đặt, đưa vào vận hành thiết bị.

2009 - 2013: Trưởng Ban Kỹ thuật - Nhà máy Sữa Dielac, năm 2012 hỗ trợ Phòng Dự án giám sát lắp đặt M&E dự án Nhà máy Sữa bột Việt Nam.

2007 - 2009: Tổ trưởng Tổ Điện - Ban Cơ Điện, Nhà máy Sữa Dielac.

2005 - 2007: Phụ trách kỹ thuật, mua sắm, lắp đặt, đưa vào vận hành thiết bị dự án Nhà máy Cà phê Sài gòn thuộc Phòng Dự án Vinamilk.

2001 - 2003: Điều phối dự án lắp đặt dây chuyền rót sữa bột của Nhà máy Sữa Dielac.

1999 - 2000: Bắt đầu công tác tại Vinamilk ở Nhà máy Sữa Dielac, qua các phân xưởng sản xuất Cơ điện và Ban Kỹ thuật.

Chức vụ tại tổ chức khác

Giám đốc Điều hành Khối Phát triển vùng nguyên liệu của Vinamilk.



ÔNG TRẦN CHÍ SƠN

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn

Cử nhân, chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán - Đại học Tài chính Kế toán Tp. HCM (năm 1998).

Chứng chỉ kế toán công chứng Anh Quốc (ACCA) - Hiệp hội kế toán công chứng Anh Quốc.

Cử nhân, chuyên ngành Anh Ngữ - Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Chứng chỉ quốc tế về Quan hệ cổ đông (ICIR) - Hiệp hội Quan hệ cổ đông Anh Quốc và Singapore.

Chứng chỉ Quản trị Công ty.

Chứng chỉ Thành viên Hội đồng Quản trị - Viện Thành viên HĐQT Việt Nam (VIOD).

Kinh nghiệm

Tháng 2/2020: Ông được bổ nhiệm làm Thành viên HĐQT của Vilco.

Tháng 6/2016 - nay: Ông đảm nhiệm vị trí Trưởng Bộ phận Tài chính Vinamilk. Ngoài ra, ông đã và đang phụ trách công tác quan hệ nhà đầu tư của Vinamilk từ hơn 10 năm nay.

Hơn 11 năm công tác (2005 - 2016) tại Vinamilk, ông đã trải qua nhiều vị trí khác nhau như Giám đốc Kiểm soát Nội bộ, Giám đốc Đầu tư, Trưởng ban Quan hệ nhà đầu tư (IR).

Trước khi gia nhập Vinamilk, ông đã làm việc và có kinh nghiệm như chuyên viên phân tích tài chính - Công ty TNHH Bia San Miguel Việt Nam; Trưởng nhóm kiểm toán - Công ty TNHH KPMG Việt Nam, Kế toán trưởng - Công ty TNHH URC Việt Nam và Công ty TNHH Ô Tô Ngôi Sao Việt Nam.

Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị Công ty, Trưởng Bộ phận Tài chính Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam. Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng Thành viên HĐQT Lao - Jagro Development Siengkhouang Co., Ltd.

Chức vụ tại tổ chức khác

Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị Công ty, Trưởng Bộ phận Tài chính Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam. Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng Thành viên HĐQT Lao - Jagro Development Siengkhouang Co., Ltd.



GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

TIẾP THEO



ÔNG LÊ HUY BÍCH

Giám Đốc Tài chính

Trình độ chuyên môn

Thạc sĩ, chuyên ngành Quản trị Kinh doanh - Đại học Rennes 1, Pháp (năm 2014).

Thạc sĩ, chuyên ngành Tài chính - Đại học Rennes 1, Pháp (năm 2016).

Cử nhân, chuyên ngành Kinh tế Đối ngoại - Đại học Ngoại thương (năm 2011).

Kinh nghiệm

1/2020 - nay: Ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc Tài chính tại Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP, Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu.

1/2020 - 2/2022: Ông được bổ nhiệm Giám đốc tài chính của GTNfoods.

2016 - nay: tại Vinamilk ông đã trải qua nhiều vị trí khác nhau trong bộ phận Tài Chính.

Trước khi gia nhập Vinamilk, ông đã có kinh nghiệm Kiểm toán tại Công ty TNHH PwC Việt Nam.

Chức vụ tại tổ chức khác

Giám đốc Tài chính Công ty CP Giống Bò sữa Mộc Châu.

Thành viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP.

Thành viên Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội.

Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Súc sản Gia cầm Hải Phòng.



ÔNG HOÀNG MẠNH CƯỜNG

Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn

Thạc sĩ Kinh tế - Đại học Thương mại năm 2006.

Cử nhân Kế toán - Đại học Thương mại năm 2001.

Kinh nghiệm

2013 - 2021: Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần GTNfoods
2010 - 2013: Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Khai thác khoáng sản Lương Sơn.

2006 - 2010: Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thực phẩm Bách Hợp.

2002 - 2006: Chuyên viên kế toán - Công ty Cổ phần Liên Hợp Thực Phẩm Hà Tây.





GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



BÀ HÀ THỊ DIỆU THU

Trưởng Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA) - Western Sydney University.
Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế - Luật.

Kinh nghiệm

09/2023 - nay: Quyền Trưởng bộ phận Tối ưu hóa và Chuyển đổi số.
09/2022 - 09/2023: Quyền Trưởng bộ phận KSNB mảng Hoạt động và Chuyển đổi số.
05/2019 - 08/2022: Trưởng ban Kiểm soát Hệ thống - Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam.
02/2016 - 04/2019: Chuyên viên Kiểm soát Nội bộ - Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam.
10/2014 - 02/2016: Chuyên viên cấp cao Quản lý rủi ro & Chất lượng - Công ty TNHH PwC Việt Nam.
07/2011 - 10/2014: Trưởng nhóm Kiểm toán - Công ty TNHH Grant Thornton Việt Nam.

Chức vụ tại tổ chức khác

Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Đường Việt Nam.
Quyền Trưởng Bộ phận Tối ưu hóa và Chuyển đổi số, Khối Chuối Cung ứng - Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam.



ÔNG TRỊNH CÔNG SƠN

Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn

Thành viên Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh (ACCA).
Cử nhân Kiểm toán - Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Kinh nghiệm

4/2022 - nay: Trưởng Ban Tài chính đầu tư - Phòng Quản trị tài chính, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam.
3/2022 - nay: Giám đốc Tài chính, Công ty liên doanh Del Monte - Vinamilk Dairy Philippines Inc.
2/2020 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu.
2017 - 3/2022: Trưởng Ban Kế toán Tổng hợp và BCTC Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam.
2014 - 2017: Trưởng nhóm kiểm toán Công ty TNHH PwC (Việt Nam).

Chức vụ tại tổ chức khác

Trưởng Ban Tài chính đầu tư - Phòng Quản trị tài chính, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam.
Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu.
Giám đốc Tài Chính Công ty liên doanh Del Monte - Vinamilk Dairy Philippines Inc.



ÔNG TRƯƠNG ANH VŨ

Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn

Thạc sĩ Luật - University of Wollongong.
Cử nhân Luật - Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

Kinh nghiệm

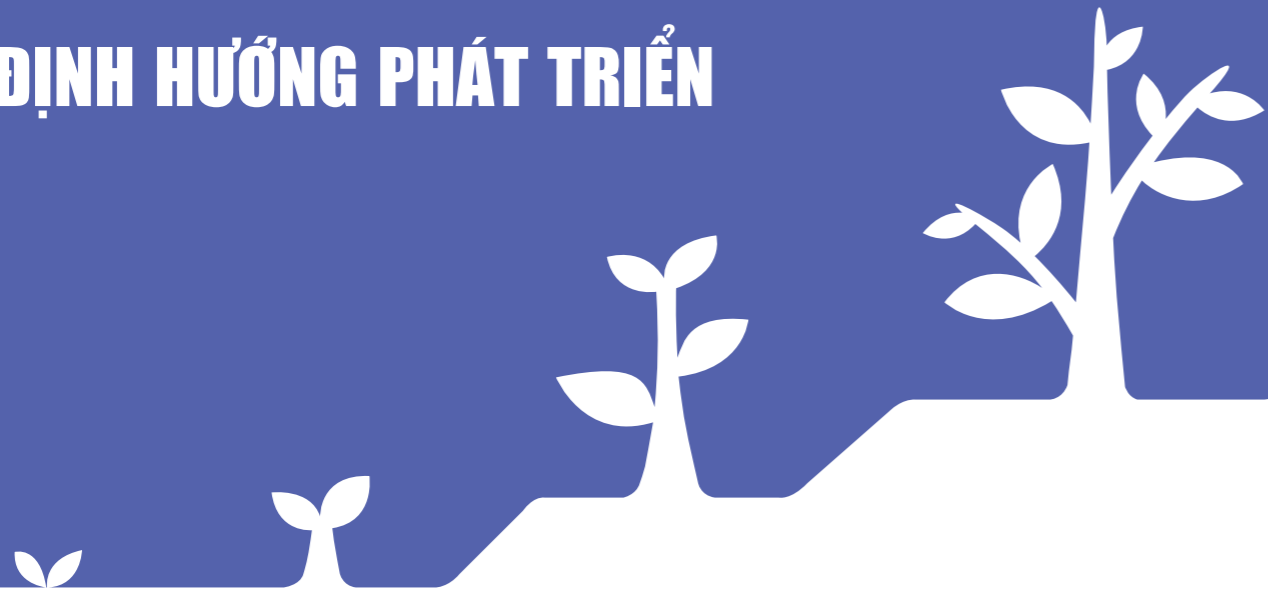
3/2022 - nay: Quyền Trưởng Bộ phận Pháp lý về Đầu tư và Quản trị - Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam.
6/2019 - 2/2022: Trưởng Ban Pháp lý về Hoạt động và Đầu tư nước ngoài - Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam, Trưởng Ban Pháp lý Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam.
5/2017 - 5/2019: Chuyên viên Pháp lý Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam.
8/2014 - 4/2017: Luật sư cộng sự Công ty Luật TNHH LNT & Partners.

Chức vụ tại tổ chức khác

Quyền Trưởng Bộ phận Pháp lý về Đầu tư và Quản trị tại Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- Xây dựng Tổng Công ty có cơ cấu hợp lý, hoạt động có hiệu quả, phát triển ổn định, bền vững.
- Không ngừng nâng cao lợi ích của các cổ đông.
- Xây dựng và phát triển, mở rộng thương hiệu của Tổng Công ty và của các đơn vị thành viên.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Tập trung các nguồn lực để phát triển các ngành sản xuất kinh doanh chủ lực của Tổng Công ty, bao gồm:
 - **Ngành chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa:** thực hiện tại Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (công ty con của Tổng Công ty).
 - **Ngành chăn nuôi bò thịt:** đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục cấp phép để triển khai dự án Trang trại Bò thịt tại Tam Đảo, Vĩnh Phúc.
- Tăng cường tích lũy vốn để tập trung đầu tư phát triển vào những lĩnh vực, ngành hàng có triển vọng và mang tính chiến lược.
- Công ty con và các công ty liên kết gắn kết với Tổng Công ty thông qua góp vốn đầu tư, công nghệ, thương hiệu, uy tín và thị trường để từng bước hình thành các ngành sản xuất chính: chăn nuôi bò sữa, bò thịt; đồng thời có gắn với chế biến thịt, sữa và các sản phẩm chăn nuôi phục vụ tiêu dùng trong nước và tiến tới xuất khẩu.
- Sử dụng hợp lý, khai thác tối đa, có hiệu quả các nguồn lực được giao; hoạt động kinh doanh có hiệu quả. Khai thác tốt hơn, hiệu quả hơn các tiềm năng thế mạnh sẵn có, lợi thế của Tổng Công ty và các đơn vị về đất đai, vị trí địa lý, thương hiệu, sản phẩm.





QUẢN TRỊ RỦI RO

RỦI RO VỀ DỊCH BỆNH



ĐỂ HẠN CHẾ RỦI RO VỀ DỊCH BỆNH, CHĂN NUÔI TRANG TRẠI CÔNG NGHIỆP LÀ XU THẾ TẤT YẾU CỦA PHÁT TRIỂN NGÀNH CHĂN NUÔI TRONG TƯƠNG LAI.

Rủi ro về dịch bệnh là rủi ro ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động của Tổng Công ty. Vilico là Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi gia súc, khi có dịch sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất chăn nuôi của Tổng Công ty.

Ngoài ra, những lo ngại về vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm cũng dẫn đến sản lượng tiêu thụ các sản phẩm thực phẩm gia súc, gia cầm giảm theo. Rõ ràng, để hạn chế rủi ro về dịch bệnh, chăn nuôi trang trại công nghiệp là xu thế tất yếu của phát triển ngành chăn nuôi trong tương lai. Thực tế, mô hình chăn nuôi của Tổng Công ty là những trang trại chăn nuôi quy mô lớn, công tác phòng chống dịch bệnh được chú trọng nên cũng hạn chế được rủi ro từ dịch bệnh một cách tối đa

RỦI RO LIÊN QUAN TỚI VIỆC THỰC HIỆN DỰ ÁN



QUẢN LÝ RỦI RO LÀ MỘT PHẦN QUAN TRỌNG CỦA QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐỂ GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG CỦA CÁC RỦI RO NÀY VÀ TĂNG CƯỜNG KHẢ NĂNG THÀNH CÔNG CỦA DỰ ÁN.

VLC đang trong giai đoạn triển khai một số dự án lớn. Dưới đây là một số rủi ro phổ biến liên quan đến việc thực hiện dự án:

- **Rủi ro về nguồn lực:** Các dự án thường phải sử dụng nguồn lực như lao động, vật liệu, và tài chính. Nếu không đủ nguồn lực, dự án có thể trì trệ hoặc thậm chí thất bại.
- **Rủi ro về kỹ thuật:** Có thể xuất hiện rủi ro về kỹ thuật khi các công nghệ mới được áp dụng hoặc khi dự án có yêu cầu kỹ thuật phức tạp. Nếu không có sự hiểu biết và kỹ năng cần thiết, dự án có thể gặp khó khăn trong việc triển khai và hoàn thành.
- **Rủi ro về thời gian:** Dự án có thể gặp rủi ro về việc hoàn thành trễ hạn do các yếu tố như thay đổi trong phạm vi, khó khăn trong việc quản lý thời gian, hoặc vấn đề về nguồn lực.
- **Rủi ro về phạm vi:** Nếu phạm vi của dự án không được xác định rõ ràng từ đầu, có nguy cơ dẫn đến việc không đạt được các mục tiêu và kết quả mong muốn.

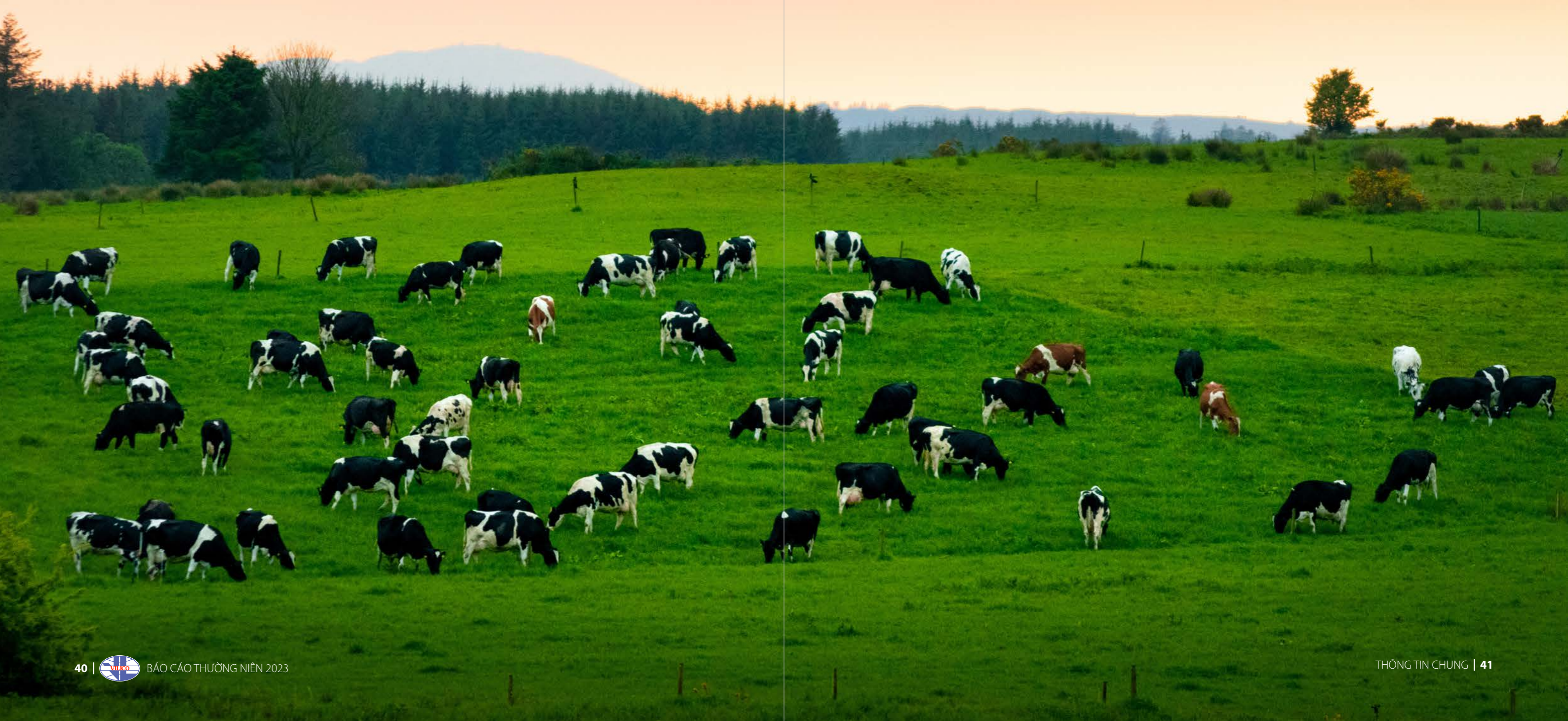
- **Rủi ro về quản lý dự án:** Quản lý dự án không hiệu quả có thể dẫn đến sự mất kiểm soát về nguồn lực, thời gian, và chi phí.
- **Rủi ro về tài chính:** Nếu không dự trù ngân sách đúng đắn hoặc nếu có các chi phí không mong đợi xuất hiện, dự án có thể gặp khó khăn về tài chính.
- **Rủi ro về yếu tố bên ngoài:** Các yếu tố như thay đổi về chính trị, kinh tế, môi trường hoặc văn hóa cũng có thể ảnh hưởng đến dự án.
- **Rủi ro về chất lượng:** Nếu không có kiểm soát chất lượng đúng đắn, dự án có thể không đạt được tiêu chuẩn yêu cầu hoặc gặp phải các vấn đề sau này.
- **Rủi ro về an ninh thông tin:** Trong các dự án công nghệ thông tin, rủi ro về an ninh thông tin như xâm nhập mạng, mất dữ liệu, hoặc lỗ hổng bảo mật có thể gây ra tổn thất nghiêm trọng.
- **Rủi ro về xã hội và môi trường:** Các dự án phát triển có thể ảnh hưởng đến xã hội và môi trường. Nếu không được quản lý cẩn thận, dự án có thể gây ra tác động tiêu cực không mong muốn.

Quản lý rủi ro là một phần quan trọng của quản lý dự án để giảm thiểu tác động của các rủi ro này và tăng cường khả năng thành công của dự án. Dưới đây là một số biện pháp quản trị rủi ro cụ thể mà VLC đang áp dụng:

- **Phân tích rủi ro:** Xác định và đánh giá các rủi ro có thể xảy ra trong quá trình xây dựng nhà máy mới. Các rủi ro có thể bao gồm sự chậm trễ trong việc hoàn thành, thất thoát vật liệu, sự cố kỹ thuật, v.v.
- **Xác định nguyên nhân và hậu quả của rủi ro:** Hiểu rõ nguyên nhân gây ra rủi ro và hậu quả tiềm ẩn của chúng là quan trọng để lập kế hoạch và triển khai các biện pháp phòng tránh.
- **Lập kế hoạch quản lý rủi ro:** Phát triển kế hoạch cụ thể để quản lý rủi ro, bao gồm việc xác định các biện pháp phòng tránh, chuyển giao, giảm nhẹ và chấp nhận rủi ro.
- **Chấp nhận rủi ro:** Đối với các rủi ro mà không thể tránh hoặc giảm nhẹ được, cần nhắc chấp nhận chúng và phát triển kế hoạch để quản lý các hậu quả tiềm ẩn.
- **Quản lý hợp đồng và tài chính:** Thiết lập và duy trì các hợp đồng với các nhà thầu và đối tác một cách cẩn thận, bao gồm việc xác định các điều khoản và điều kiện liên quan đến rủi ro và bảo hiểm.
- **Quản lý chất lượng:** Thiết lập quy trình kiểm soát chất lượng chặt chẽ để đảm bảo rằng các công việc xây dựng được thực hiện đúng cách, giảm thiểu rủi ro liên quan đến lỗi kỹ thuật.
- **Quản lý thay đổi:** Sẵn sàng xử lý các thay đổi trong phạm vi, lịch trình và ngân sách một cách linh hoạt để giảm thiểu tác động của chúng đến dự án.
- **Giám sát và báo cáo:** Thực hiện giám sát định kỳ và báo cáo về tình hình rủi ro cho các bên liên quan, giúp họ có cái nhìn toàn diện về tình trạng của dự án.
- **Đào tạo và phát triển nhân viên:** Đảm bảo rằng nhân viên liên quan đến dự án được đào tạo về các biện pháp quản trị rủi ro và có kiến thức cần thiết để xử lý tình huống không mong muốn.
- **Sử dụng công nghệ và công cụ quản lý dự án:** Sử dụng các công nghệ và công cụ quản lý dự án hiện đại để theo dõi, đánh giá và quản lý các rủi ro một cách hiệu quả.



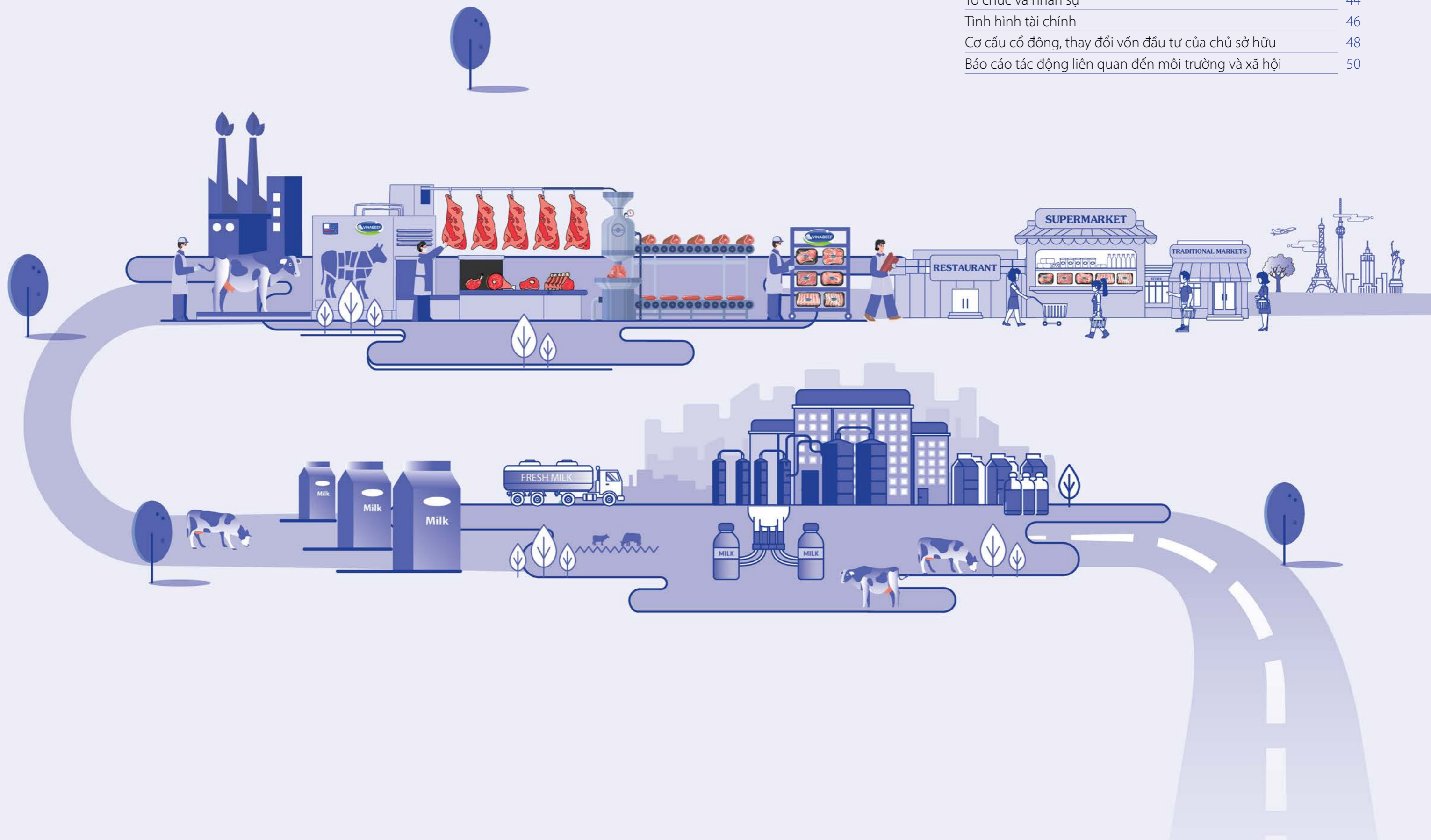
Thực tế, mô hình chăn nuôi của Tổng Công ty là những trang trại chăn nuôi quy mô lớn, công tác phòng chống dịch bệnh được chú trọng nên cũng hạn chế được rủi ro từ dịch bệnh một cách tối đa.



Tập trung nguồn lực Phát triển cốt lõi

CHƯƠNG 02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

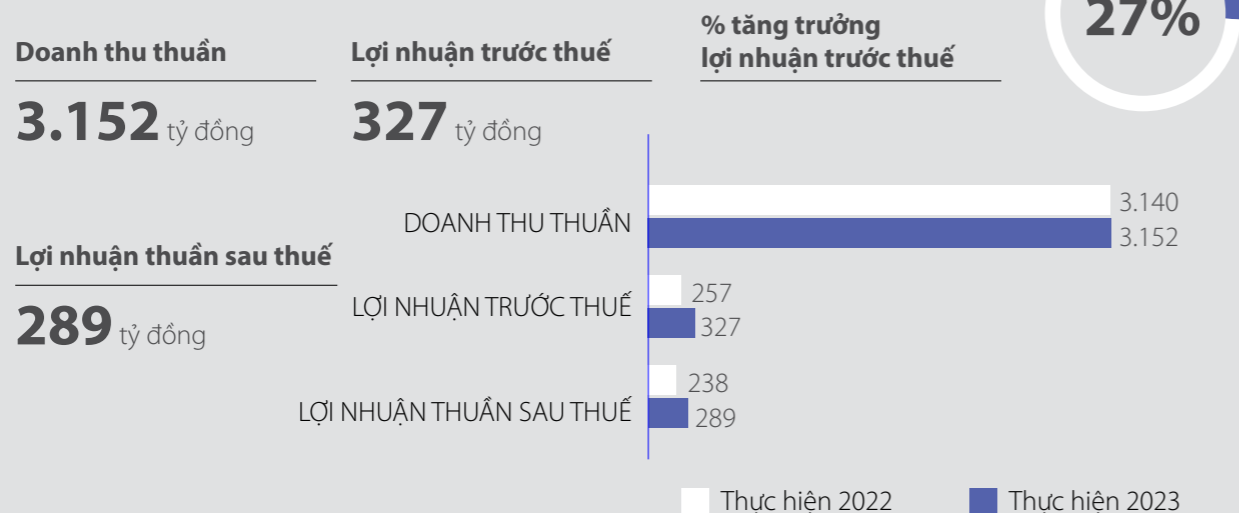
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	42
Tổ chức và nhân sự	44
Tình hình tài chính	46
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	48
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội	50





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động kinh doanh 2023 so với cùng kỳ 2022



Trong năm 2023, Vilico tăng vốn góp cùng với Tập đoàn Sojitz tại Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật từ 736 tỷ đồng lên tới 1.426 tỷ đồng với mục tiêu triển khai dự án Bò Thịt tại Tam Đảo, Vĩnh Phúc.

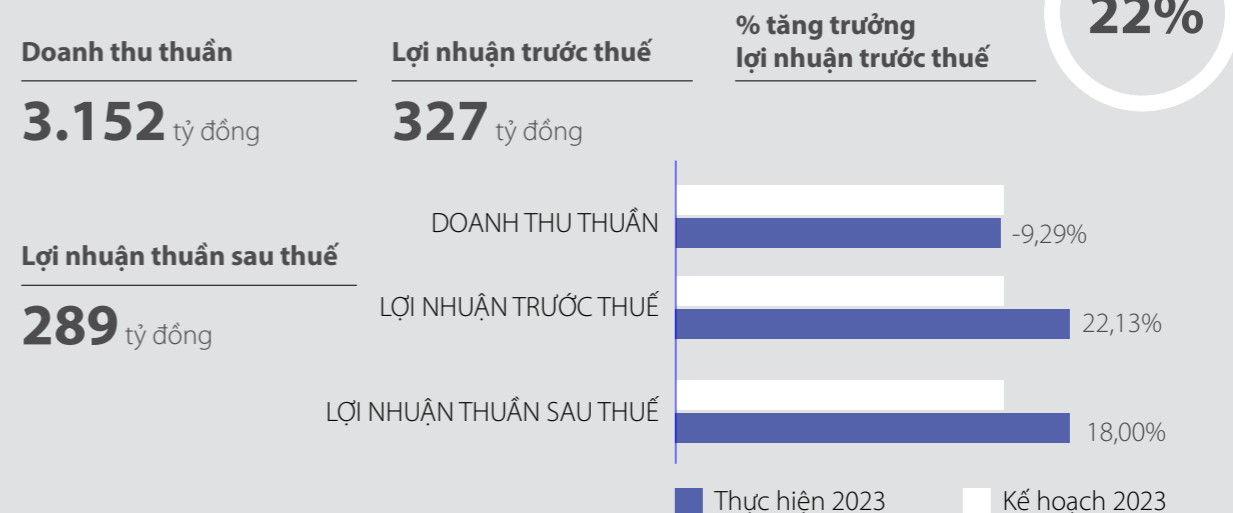
Kết quả kinh doanh năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 (ĐVT: tỷ đồng)

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2023	NĂM 2022	THAY ĐỔI (%)
1	Doanh thu thuần	3.152	3.140	0,37%
2	Lợi nhuận gộp	946	964	-1,79%
3	Lợi nhuận trước thuế	327	257	27,15%
4	Lợi nhuận thuần sau thuế	289	238	21,71%
5	Lợi nhuận cổ đông công ty mẹ	157	116	35,05%

Kết quả kinh doanh năm 2023 so với kế hoạch (ĐVT: tỷ đồng)

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2023	KẾ HOẠCH NĂM 2023	% HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH NĂM
1	Doanh thu thuần	3.152	3.475	-9,29%
2	Lợi nhuận trước thuế	327	268	22,13%
3	Lợi nhuận sau thuế	289	245	18,00%

Kết quả hoạt động kinh doanh 2023 so với kế hoạch



VỀ DOANH THU HỢP NHẤT

Doanh thu thuần hợp nhất Vilico năm 2023 đạt 3.152 tỷ đồng, tăng 0,4% so với cùng kỳ, giảm 9,3% so với kế hoạch. Do doanh thu hợp nhất chủ yếu đến từ Mộc Châu Milk (chiếm 99%). Doanh thu của Mộc Châu Milk năm 2023 tăng 0,1% so với cùng kỳ, giảm 6,5% so với kế hoạch.

VỀ LỢI NHUẬN HỢP NHẤT

Lợi nhuận sau thuế 2023 đạt 289 tỷ đồng, tăng 21,7% so với cùng kỳ, tăng 18,1% so với kế hoạch. Do lợi nhuận sau thuế 2023 chủ yếu đến từ lợi nhuận của Mộc Châu Milk. Lợi nhuận sau thuế 2023 của Mộc Châu Milk tăng 8,1% so với cùng kỳ và tăng 3,9% so với kế hoạch. Bên cạnh đó lợi nhuận tăng từ doanh thu hoạt động tài chính, do các khoản tiền gửi tại các công ty con được hưởng lãi suất với mặt bằng lãi suất cao hơn so với cùng kỳ năm 2022.



DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH	NGÀY THÁNG NĂM SINH	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN	NGÀY BỔ NHIỆM/ MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN
1	Ông Trịnh Quốc Dũng Tổng Giám đốc	05/10/1962	Kỹ sư năng lượng và tự động hóa	Bổ nhiệm ngày 23/09/2020 Miễn nhiệm ngày 01/05/2023		
2	Ông Trịnh Phương Nam Tổng Giám đốc	08/02/1980	Kỹ Sư Công nghệ Thực phẩm và Thạc sĩ Vi sinh Thực phẩm	Bổ nhiệm ngày 01/05/2023 Miễn nhiệm ngày 20/10/2023		
3	Ông Đoàn Quốc Khánh Tổng Giám đốc	02/09/1974	Cử nhân Tự động hóa	Bổ nhiệm ngày 20/10/2023		
4	Ông Nguyễn Đăng Khoa Phó Tổng Giám đốc	03/07/1983	Cử nhân Tự động hóa dây chuyền sản xuất	Bổ nhiệm ngày 01/11/2020 Miễn nhiệm ngày 25/04/2023		
5	Ông Trần Chí Sơn Phó Tổng Giám đốc	13/02/1975	Cử nhân Kế toán Kiểm toán	Bổ nhiệm ngày 20/05/2022	900	0%
6	Ông Lê Huy Bích Giám đốc Tài chính	22/05/1989	Thạc sĩ Tài chính	Bổ nhiệm ngày 01/01/2020		
7	Ông Hoàng Mạnh Cường Kế toán trưởng	20/09/1978	Kế toán	Bổ nhiệm ngày 20/05/2022	7.812	0%

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

- **Miễn nhiệm Ông Nguyễn Đăng Khoa** - Phó Tổng Giám đốc ngày 25/04/2023
- **Miễn nhiệm Ông Trịnh Quốc Dũng** - Tổng Giám đốc ngày 01/05/2023
- **Bổ nhiệm Ông Trịnh Phương Nam** - Tổng Giám đốc ngày 01/05/2023
- **Miễn nhiệm Ông Trịnh Phương Nam** - Tổng Giám đốc ngày 20/10/2023
- **Bổ nhiệm Ông Đoàn Quốc Khánh** - Tổng Giám đốc ngày 20/10/2023

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Tính đến thời điểm 31/12/2023, tổng số CBNV của Vilico, bao gồm cả công ty con, là 866 người.



TỔNG NHÂN SỰ CỦA VILICO

866 NGƯỜI

BAO GỒM CẢ CÔNG TY CON

CHÍNH SÁCH VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Không có sự thay đổi.





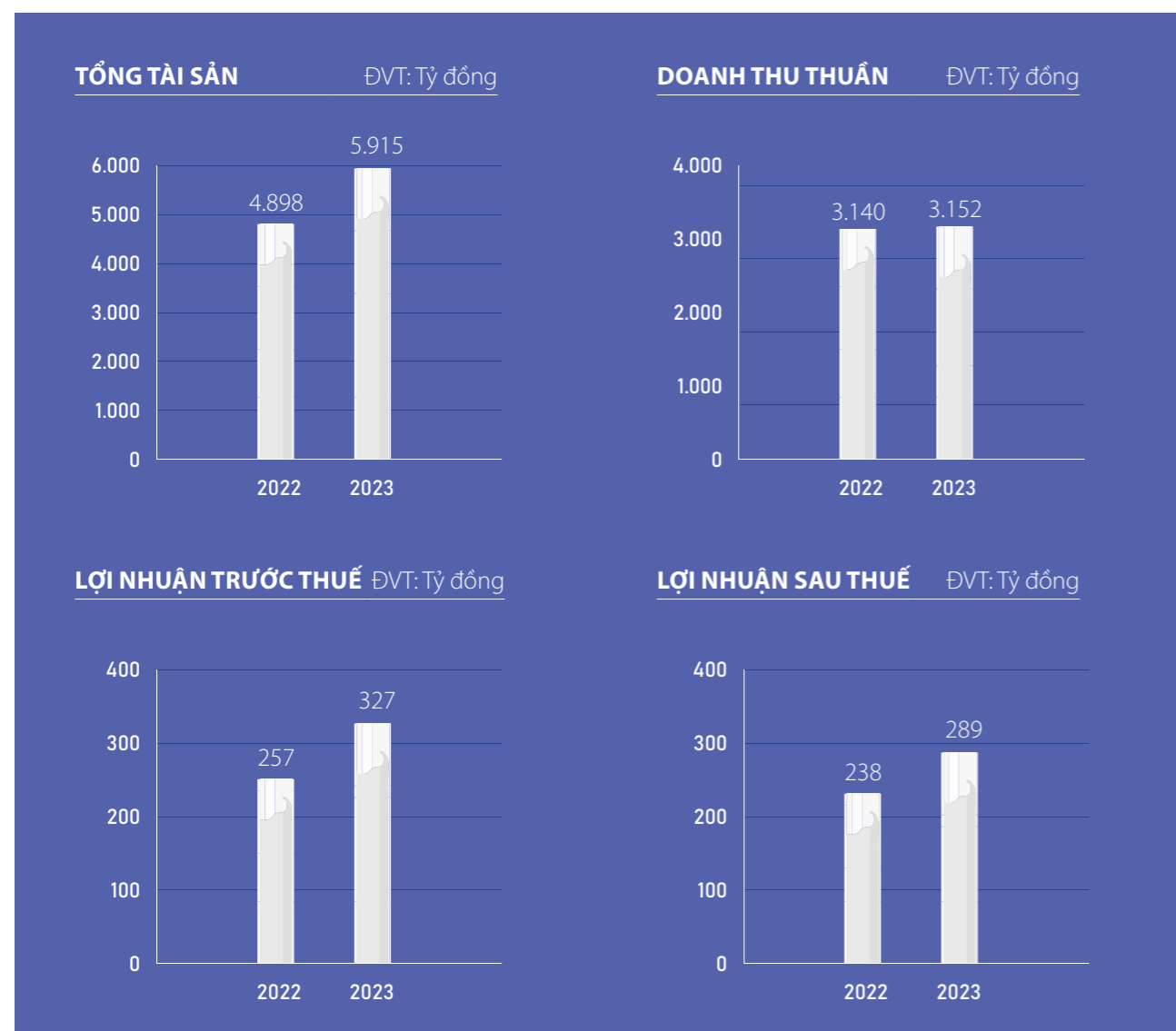
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2023	NĂM 2022	THAY ĐỔI
1	Tổng giá trị tài sản	5.914,5	4.898,4	20,74%
2	Doanh thu thuần	3.152,0	3.140,3	0,37%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	329,2	287,7	14,43%
4	Lợi nhuận khác	-1,9	-30,3	-93,75%
5	Lợi nhuận trước thuế	327,3	257,4	27,15%
6	Lợi nhuận sau thuế	289,1	237,5	21,71%
7	Tỷ lệ chi trả cổ tức (vốn điều lệ)	6%	6%	

Các chỉ tiêu khác: không có.



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

(theo số liệu báo cáo hợp nhất năm 2023)

CÁC CHỈ TIÊU	NĂM 2023	NĂM 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	11,5	11,8
Hệ số thanh toán nhanh	10,9	11,1
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	8,58%	9,01%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	9,38%	9,91%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho	10,5	10,7
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,6	0,7
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	9,17%	7,56%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	5,86%	5,53%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	5,35%	4,97%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	10,44%	9,16%
TỶ LỆ/TÀI SẢN NGẮN HẠN		
Tiền và các khoản tương đương tiền	30,34%	20,88%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	50,32%	59,27%
Các khoản phải thu ngắn hạn	12,87%	12,78%
Hàng tồn kho	4,78%	5,89%
Tài sản ngắn hạn khác	1,69%	1,17%
BIÊN LỢI NHUẬN GỘP		
Biên lợi nhuận gộp	30,02%	30,69%
Biên lợi nhuận ròng	9,17%	7,56%
CƠ CẤU VỐN		
Nợ phải trả/Tổng tài sản	8,58%	9,01%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

- Tổng số cổ phần của Tổng Công ty đang lưu hành:

212.491.611 CỔ PHIẾU,

- Loại cổ phần: chuyển nhượng tự do.



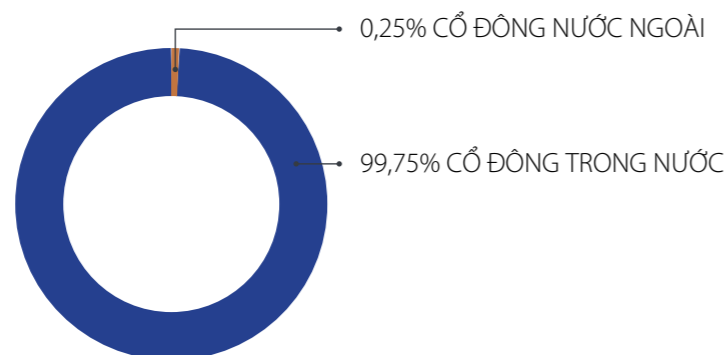
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

trên cơ sở Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng ngày 14/09/2023

PHÂN LOẠI	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU
1. TRONG NƯỚC	7.197	211.962.901	99,75%
a. Cá nhân	7.171	61.793.006	29,08%
b. Tổ chức	26	150.169.895	70,67%
2. NƯỚC NGOÀI	84	528.710	0,25%
a. Cá nhân	71	462.062	0,22%
b. Tổ chức	13	66.648	0,03%
Grand Total	7.281	212.491.611	100%

PHÂN LOẠI	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU
Cổ đông lớn	1	146.484.375	68,94%

BIỂU ĐỒ TỶ LỆ SỞ HỮU
CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC
VÀ NƯỚC NGOÀI



TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Ngày 21/09/2023, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã phát công văn số 6332/UBCK-QLCB về việc xác nhận kết quả phát hành theo Báo cáo kết quả phát hành số 160/MLC-CV ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tổng Công ty, theo đó Tổng Công ty đã chào bán thành công ra công chúng 40.145.438 cổ phiếu. Tăng vốn điều lệ từ 1.723.461.730.000 đồng lên 2.124.916.110.000 đồng.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

không có



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI



VILICO ĐÃ MỞ RỘNG VÀ ÁP DỤNG CÁC HOẠT ĐỘNG THIẾT THỰC TẠI CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN THEO NHỮNG NGUYÊN TẮC CHẶT CHẼ, RÕ RÀNG, ĐƯỢC GIÁM SÁT VÀ LẬP BÁO CÁO ĐỊNH KỲ.

Việt Nam là nước có nền sản xuất nông nghiệp làm nền tảng khi lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển chung của nền kinh tế. Các lĩnh vực này còn nhiều tiềm năng để phát triển hơn nữa với những ưu đãi về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên. Định hướng phát triển bền vững ngành nông nghiệp nói chung và đối với Vilico nói riêng là việc cân bằng lợi ích kinh tế giữa các bên; bảo vệ tài nguyên môi trường; đảm bảo sức khỏe cộng đồng, đồng thời chia sẻ các trách nhiệm xã hội. Vilico đã mở rộng và áp dụng các hoạt động thiết thực tại các đơn vị thành viên theo những nguyên tắc chặt chẽ, rõ ràng, được giám sát và lập báo cáo định kỳ. Năm 2023, Vilico tiếp tục thực hiện tái cơ cấu toàn diện tại các công ty con, công ty liên kết theo các chính sách nhất quán và được các đơn vị thành viên thực hiện nghiêm túc, góp phần tạo nên văn hóa và mô hình hoạt động của Tổng Công ty.

MÔI TRƯỜNG

Năm 2023, các hoạt động bảo vệ môi trường, sản xuất kinh doanh có trách nhiệm gắn với phát triển bền vững đã được triển khai tại Vilico từ cấp công ty mẹ đến các chi nhánh và công ty con. Cán bộ công nhân viên của công ty luôn ý thức và thực hiện các việc làm thiết thực tiết kiệm năng lượng điện, nước sạch, giấy văn phòng. Các chương trình tiết kiệm, hợp lý hóa nguồn năng lượng trong các hoạt động luôn được Công ty chú trọng, việc sử dụng tài nguyên nước sạch được công ty chỉ đạo trong sản xuất, chăn nuôi và khuyến cáo tới cán bộ công nhân viên và cả các hộ nông dân chăn nuôi. Các hoạt động bảo vệ môi trường, xử lý chất thải cũng được thực hiện nghiêm túc tại khu vực nông nghiệp và sản xuất của các đơn vị thành viên.

Mộc Châu Milk tiếp tục duy trì triển khai xử lý môi trường tại các nông hộ, coi đây là một trong những chỉ tiêu đánh giá và thành lập những tổ kiểm tra giám sát xử lý các hộ không thực hiện đúng theo quy định. Mộc Châu Milk cũng tạo điều kiện cho các hộ dân vay vốn để mua máy ép phân. Toàn bộ trang trại của các hộ gia đình ở Mộc Châu đều đã được cơ giới hóa, trang bị nhiều máy móc hiện đại như máy cắt cỏ, máy cày bừa, máy băm cỏ, máy vắt sữa... Thậm chí, phân bò sau khi thu dọn cũng được xử lý tự động theo quy trình khép kín để bảo vệ môi trường.

Với dây chuyền xử lý phân tự động, toàn bộ chất thải do bò sữa thải ra hàng ngày được dọn rửa đưa về bể thu gom để xử lý bằng men vi sinh. Sau đó chất thải sẽ được máy hút lên để tách nước và chất thải rắn. Đối với nước, một phần chảy vào hầm biogas, phần còn lại chảy qua các bể xử lý bằng men vi sinh và enzym theo phương pháp hiếu khí. Sau đó, nước thải tiếp tục được đưa qua các bể lọc đến khi đạt tiêu chuẩn cho phép sẽ đưa đi tưới cho đồng cỏ. Đối với chất thải rắn, sau khi xử lý bằng men vi sinh tới khi độ ẩm còn 15 - 20%, sẽ trở thành loại phân hữu cơ rất tốt cho rau màu.

Đối với các chất thải độc hại (các chai lọ, thuốc thú y tiêm cho đàn bò,...), Mộc Châu Milk đã ký Hợp đồng với công ty chuyên xử lý chất thải độc hại theo đúng quy định, đảm bảo môi trường sống của thiên nhiên, con người.

Trên thực tế, Vilico đã và đang nỗ lực thực hiện, tích cực triển khai các hoạt động hiệu quả nhằm bảo vệ môi trường theo định hướng phát triển bền vững tại các công ty con.





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI

TIẾP THEO



XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Bên cạnh việc bảo vệ môi trường, các vấn đề về xã hội và cộng đồng cũng được Vilico ưu tiên và quan tâm. Các vấn đề việc làm của cán bộ nhân viên, người lao động, đặc biệt là đối với phụ nữ, người dân tộc thiểu số như nguồn thu nhập, chế độ phúc lợi, nhân quyền đều được đảm bảo; trách nhiệm đối với cộng đồng thông qua chất lượng các sản phẩm của Công ty là tiêu chí tiên quyết trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. Tại các đơn vị thành viên, Công ty luôn cố gắng củng cố niềm tin, ổn định tư tưởng cho cán bộ nhân viên,

người lao động, tổ chức Hội nghị tại từng đơn vị để đối thoại trực tiếp, nắm bắt được hết những nguyện vọng, ý kiến của người nông dân, trên cơ sở đó đưa ra những chính sách hợp lý. Bên cạnh đó, các chính sách tạo việc làm cho người dân tại địa phương, các chương trình an sinh xã hội, chương trình từ thiện trên địa bàn các công ty thành viên luôn được quan tâm và thực hiện thường niên, đặc biệt là các chương trình sữa học đường cho trẻ em mầm non, chương trình hỗ trợ các hộ gia đình khó khăn, trẻ em mồ côi, người dân tộc thiểu số...

ĐỊNH HƯỚNG

Các nỗ lực và hoạt động tích cực về môi trường và xã hội trong năm 2023 vừa qua của Vilico đã thể hiện rõ những định hướng và quyết tâm của mình trong việc giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực tới môi trường và xã hội, xây dựng quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp, hiệu quả, kiến tạo môi trường sống, tạo tiền đề cho sự phát triển kinh tế bền vững và xác định rõ ràng chiến lược của Tổng Công ty. Thế giới đang đối mặt với rất nhiều các vấn đề nghiêm trọng như thiên tai, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, cạn kiệt nguồn

tài nguyên thiên nhiên, bệnh dịch, đói nghèo... đe dọa và làm ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc sống của nhân loại. Trong bối cảnh đó, chiến lược phát triển bền vững là phương pháp hiệu quả nhất để đạt được hài hòa giữa các yếu tố trong đời sống, cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống của con người, thúc đẩy xã hội phát triển. Ban lãnh đạo Vilico mong muốn, ủng hộ và xác định trong tương lai xa hơn sẽ luôn theo đuổi chiến lược phát triển bền vững.



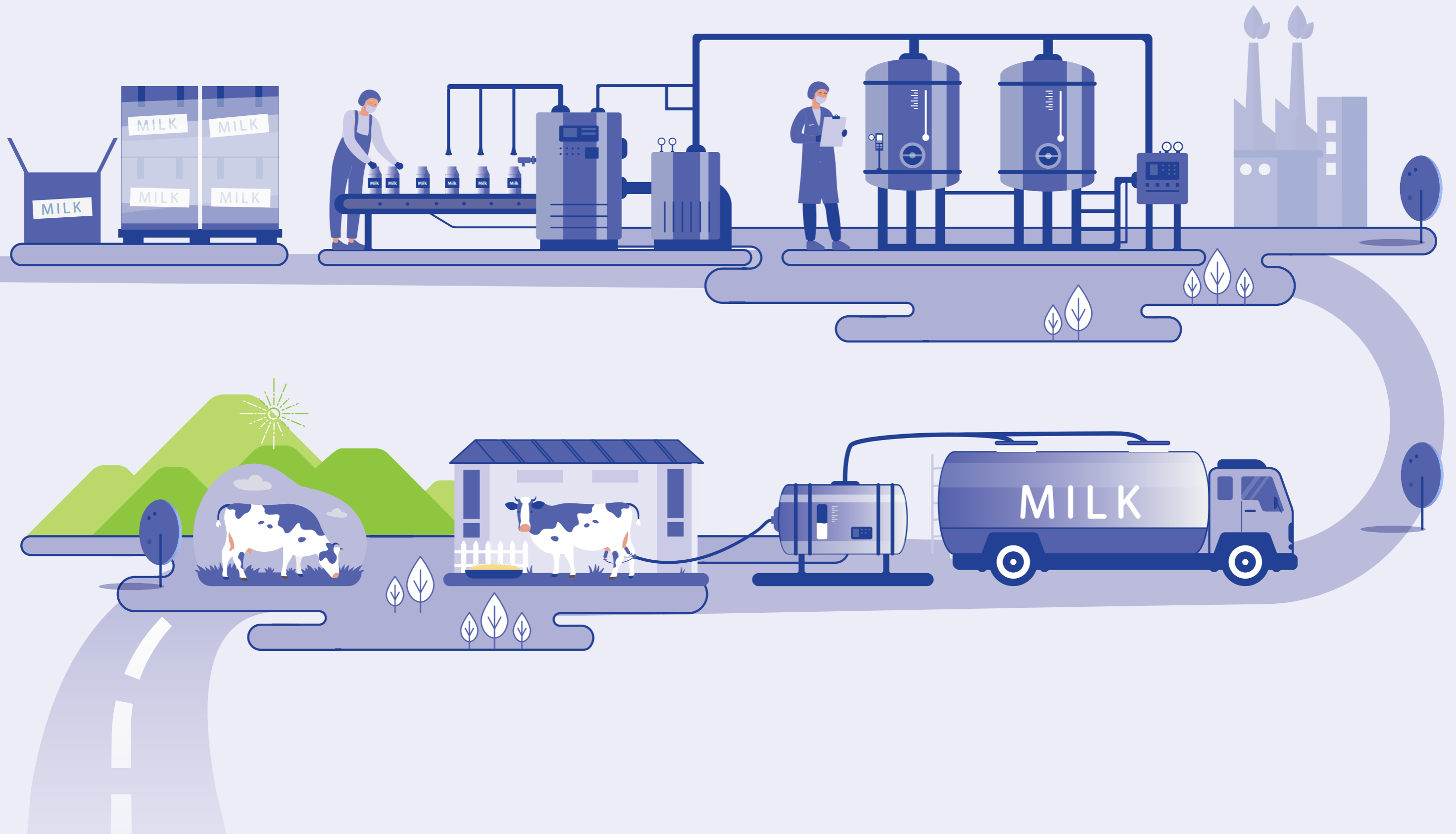
Các nỗ lực và hoạt động tích cực về môi trường và xã hội trong năm 2023 vừa qua của Vilico đã thể hiện rõ những định hướng và quyết tâm của mình trong việc giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực tới môi trường và xã hội.



Ứng dụng công nghệ Nâng cao hiệu quả

CHƯƠNG 03 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	36
Kế hoạch phát triển trong tương lai	60





ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



DOANH THU THUẦN HỢP NHẤT VILICO NĂM 2023 ĐẠT 3.152 TỶ ĐỒNG, TĂNG 0,4% SO VỚI CÙNG KỲ, GIẢM 9,3% SO VỚI KẾ HOẠCH. DO DOANH THU HỢP NHẤT CHỦ YẾU ĐẾN TỪ MỘC CHÂU MILK (CHIẾM 99%).



CHI TRẢ CỔ TỨC

600

ĐỒNG/CP



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2023, doanh thu thuần Vilico riêng năm 2023 đạt 3,9 tỷ đồng, tăng 32,7% so với kế hoạch, tăng 8,3% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế đạt 157,6 tỷ đồng, thấp hơn 12,6% so với kế hoạch, thấp hơn 20,3% so với cùng kỳ, chủ yếu đến từ hoạt động tài chính. Theo kế hoạch dự kiến Mộc Châu Milk chi trả cổ tức 1.500 đồng/1 cổ phần, tuy nhiên trong tháng 5/2023 Mộc Châu Milk thông báo thực hiện chi trả cổ tức với tỷ lệ 600 đồng/ 1 cổ phần (thấp hơn mức chi trả cùng kỳ của năm 2022 là 1.500 đồng/ 1 cổ phần). Trong tháng 11/2023, Mộc Châu Milk tiếp tục thực hiện chi trả cổ tức 1.000 đồng/ 1 cổ phần.



Doanh thu thuần hợp nhất

3.152 tỷ đồng
↑0,4% so với năm 2022



Lợi nhuận sau thuế

289,1 tỷ đồng
↑21,7% so với năm 2022

Doanh thu thuần hợp nhất Vilico năm 2023 đạt 3.152 tỷ đồng, tăng 0,4% so với cùng kỳ, giảm 9,3% so với kế hoạch. Do doanh thu hợp nhất chủ yếu đến từ Mộc Châu Milk (chiếm 99%). Doanh thu của Mộc Châu Milk năm 2023 tăng 0,1% so với cùng kỳ, giảm 6,5% so với kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế 2023 đạt 289,1 tỷ đồng, tăng 21,7% so với cùng kỳ, tăng 18,1% so với kế hoạch. Do lợi nhuận sau thuế 2023 chủ yếu đến từ lợi nhuận của Mộc Châu Milk. Lợi nhuận sau thuế 2023 của Mộc Châu Milk tăng 8,1% so với cùng kỳ và tăng 3,9% so với kế hoạch. Bên cạnh đó lợi nhuận tăng từ doanh thu hoạt động tài chính, do các khoản tiền gửi tại các công ty con được hưởng lãi suất với mặt bằng lãi suất cao hơn so với cùng kỳ năm 2022.



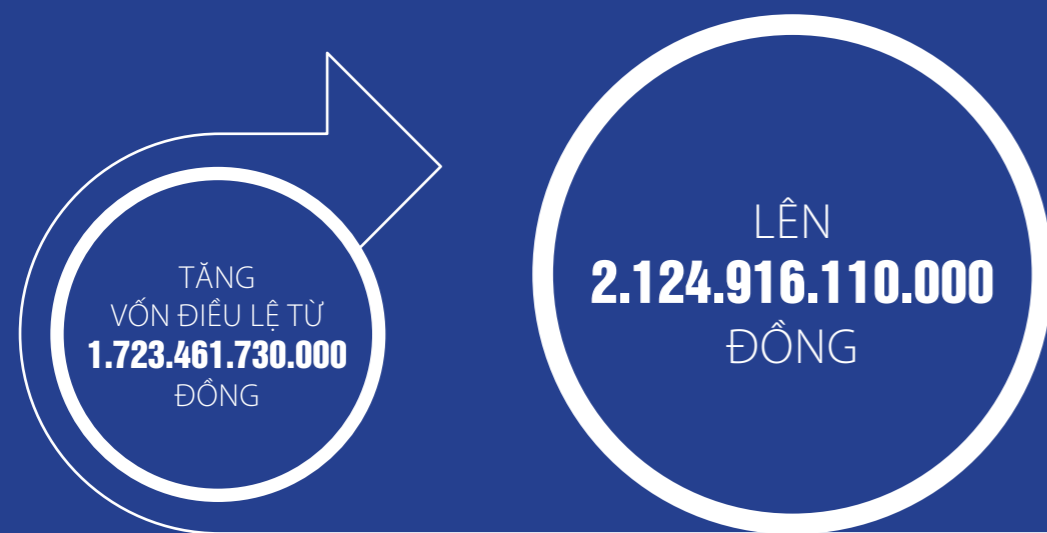
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TIẾP THEO

Đối với hoạt động tài chính: Ngày 21/09/2023, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã phát công văn số 6332/UBCK-QLCB về việc xác nhận kết quả phát hành theo Báo cáo kết quả phát hành số 160/VLC-CV ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tổng Công ty, theo đó Tổng Công ty đã chào bán thành công ra công chúng 40.145.438 cổ phiếu. Tăng vốn điều lệ từ 1.723.461.730.000 đồng lên 2.124.916.110.000 đồng. Vilico sau sáp nhập được kỳ vọng sẽ đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh tốt hơn và đảm bảo sự phát triển bền vững. Vilico tăng vốn góp cùng với Tập đoàn Sojitz tại Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật lên tới 1.426 tỷ đồng với mục tiêu triển khai dự án Bò Thịt tại Tam Đảo, Vĩnh Phúc. Bên cạnh đó, nguồn cổ tức thu từ Công ty cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (công ty con của Tổng Công ty) năm 2023 tiếp tục duy trì ở mức ổn định so với năm 2022. Từ các kết quả trên đã góp phần duy trì hiệu quả hoạt động kinh doanh chung của Tổng Công ty.

Với những nỗ lực hoạt động nêu trên, năm 2023, Tổng Công ty đã đạt được những thành tích nhất định: bảo toàn và phát triển nguồn vốn; thu nhập của người lao động được đảm bảo; công tác quản lý phần vốn đầu tư tại các doanh nghiệp khác được thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả; công tác quản trị, điều hành tiếp tục được đổi mới, công tác tổ chức được kiện toàn, đi vào nề nếp, đáp ứng với mô hình hoạt động của công ty cổ phần không còn vốn nhà nước. Nội bộ đoàn kết, thống nhất cao từ tập thể lãnh đạo Tổng Công ty đến các đơn vị thành viên. Trong năm 2023, Tổng Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 6%/vốn điều lệ.



VILICO TĂNG VỐN GÓP CÙNG VỚI TẬP ĐOÀN SOJITZ TẠI CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT LÊN TỚI 1.426 TỶ ĐỒNG VỚI MỤC TIÊU TRIỂN KHAI DỰ ÁN BÒ THỊT TẠI TAM ĐẢO, VĨNH PHÚC.



KẾ HOẠCH

PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023 VÀ NHỮNG NĂM TỚI CỦA TỔNG CÔNG TY TẬP TRUNG VÀO CÁC MỤC TIÊU CHÍNH SAU:

Tiếp tục phát triển Tổng Công ty với cơ cấu hợp lý; xây dựng, mở rộng thương hiệu của Tổng Công ty và các đơn vị. Cơ cấu lại vốn đầu tư theo hướng tập trung vào các ngành sản xuất kinh doanh chính, thế mạnh và có hiệu quả cao.

Tập trung phát triển mảng chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa, tăng quy mô chăn nuôi, nâng cao năng suất, chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm; phát triển thị trường, mở rộng kênh phân phối.

Tiếp tục đẩy mạnh việc tái cơ cấu Tổng Công ty, tập trung vào những mảng kinh doanh cốt lõi, có hiệu quả trên cơ sở phát huy các lợi thế, nguồn lực.

Thực hiện các phương án khai thác nguồn vốn đất đai, bất động sản của Tổng Công ty và các doanh nghiệp thông qua việc đầu tư, hợp tác, liên doanh, liên kết phù hợp với quy định của pháp luật và quy hoạch của địa phương.

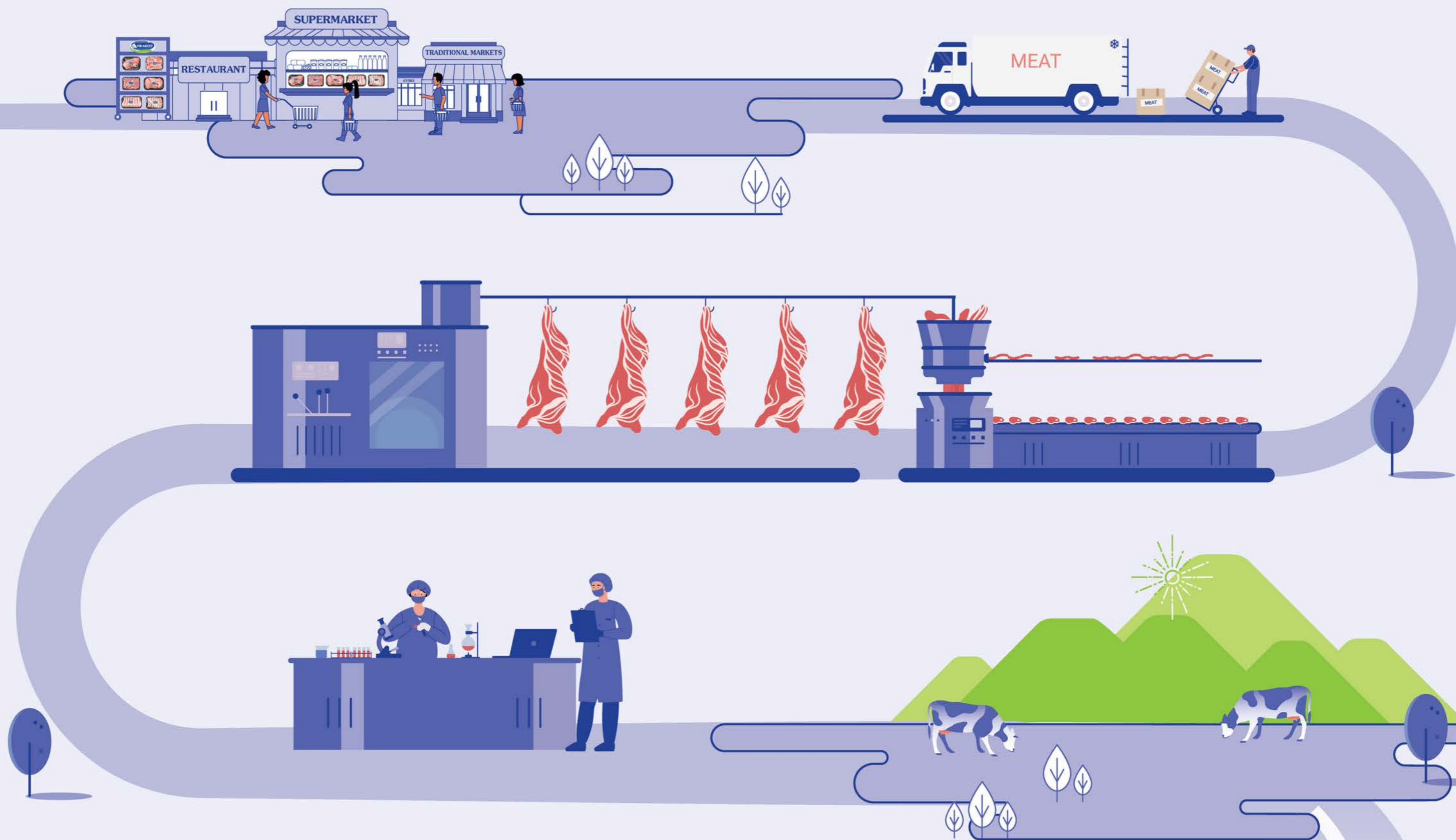
Tập trung nguồn lực để chuẩn bị cho các dự án sản xuất nông nghiệp trong thời gian tới, đặc biệt là dự án chăn nuôi, chế biến và phân phối thịt bò tại Vĩnh Phúc.



Thúc đẩy đầu tư Mở rộng thị trường

CHƯƠNG 04 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	64
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Điều hành	66
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị	68



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023

Kết quả kinh doanh năm 2023 cho thấy Vilico tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh tương đối hiệu quả, cụ thể:

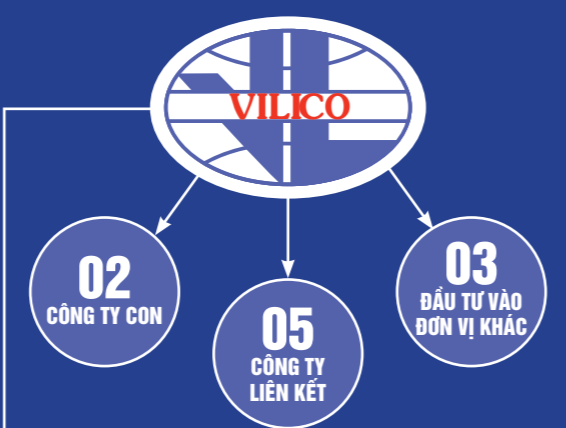
CÔNG TY MẸ

Doanh thu thuần Vilico riêng năm 2023 đạt 3,9 tỷ đồng, tăng 32,7% so với kế hoạch, tăng 8,3% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế đạt 157,6 tỷ đồng thấp hơn 12,6% so với kế hoạch, thấp hơn 20,3% so với cùng kỳ, chủ yếu đến từ hoạt động tài chính. Theo kế hoạch dự kiến Mộc Châu Milk chi trả cổ tức 1.500 đồng/1 cổ phần tuy nhiên trong tháng 5/2023 Mộc Châu Milk thông báo thực hiện chi trả cổ tức với tỷ lệ 1.000 đồng/ 1 cổ phần (thấp hơn mức chi trả cùng kỳ của năm 2022 là 1.500 đồng/ 1 cổ phần). Trong tháng 11/2023, Mộc Châu Milk tiếp tục thực hiện chi trả cổ tức 1.000 đồng/ 1 cổ phần.

HỢP NHẤT

Doanh thu thuần hợp nhất Vilico năm 2023 đạt 3.152 tỷ đồng, tăng 0,4% so với cùng kỳ, giảm 9,3% so với kế hoạch. Do doanh thu hợp nhất chủ yếu đến từ Mộc Châu Milk (chiếm 99%). Doanh thu của Mộc Châu Milk năm 2023 tăng 0,1% so với cùng kỳ, giảm 6,5% so với kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế 2023 đạt 289,1 tỷ đồng, tăng 21,7% so với cùng kỳ, tăng 18,1% so với kế hoạch. Do lợi nhuận sau thuế 2023 chủ yếu đến từ lợi nhuận của Mộc Châu Milk. Lợi nhuận sau thuế 2023 của Mộc Châu Milk tăng 8,1% so với cùng kỳ và tăng 3,9% so với kế hoạch. Bên cạnh đó lợi nhuận tăng từ doanh thu hoạt động tài chính, do các khoản tiền gửi tại các công ty con được hưởng lãi suất với mặt bằng lãi suất cao hơn so với cùng kỳ năm 2022.

VILICO HIỆN ĐANG QUẢN LÝ PHẦN VỐN ĐẦU TƯ TẠI 10 DOANH NGHIỆP:



Tổng giá trị phần vốn của Vilico đang đầu tư tại các doanh nghiệp hơn

2.139 tỷ đồng

Trong đó, hai khoản giá trị đầu tư cao nhất tại Công ty con:

1 Công ty CTCP Giống Bò Sữa Mộc Châu

1.144 tỷ đồng

2 Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật

727 tỷ đồng



VILICO ĐANG TRONG QUÁ TRÌNH TÁI CẤU TRÚC MẠNH, THOÁI VỐN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ KHÔNG HIỆU QUẢ, KHÔNG NẴM TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CHUNG CỦA TỔNG CÔNG TY, TẬP TRUNG KHAI THÁC MẢNG KINH DOANH CÓ TIỀM NĂNG TĂNG TRƯỞNG.

Vilico đang trong quá trình tái cấu trúc mạnh, thoái vốn các khoản đầu tư không hiệu quả, không nằm trong chiến lược phát triển chung của Tổng Công ty, tập trung khai thác mảng kinh doanh có tiềm năng tăng trưởng.

Công ty tăng vốn góp cùng với Tập đoàn Sojitz tại Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật lên tới 1.426 tỷ đồng (trong đó Vilico góp 51%) với mục tiêu triển khai dự án Bò Thịt tại Tam Đảo, Vĩnh Phúc.

Trong quý 3 năm 2023, Công ty đã hoàn tất phương án chào bán ra công chúng. Ngày 21/09/2023, Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã phát công văn số 6332/UBCK-QLCB về việc xác nhận kết quả phát hành theo Báo cáo kết quả phát hành số 160/VLC-CV ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tổng Công ty, theo đó Tổng Công ty đã chào bán thành công ra công chúng 40.145.438 cổ phiếu. Tăng vốn điều lệ từ 1.723.461.730.000 đồng lên 2.124.916.110.000 đồng.

Tính đến ngày 31/12/2023, Vilico hiện đang quản lý phần vốn đầu tư tại 10 doanh nghiệp: bao gồm 02 Công ty con, 05 Công ty liên kết và 03 doanh nghiệp có vốn đầu tư dài hạn khác.

Tổng giá trị phần vốn của Vilico đang đầu tư tại các doanh nghiệp (tính theo giá gốc) là hơn 2.139 tỷ đồng. Trong đó, hai khoản giá trị đầu tư cao nhất tại Công ty con - Công ty CP Giống Bò sữa Mộc Châu (hơn 1.144 tỷ đồng) chiếm 53% tổng nguồn vốn đầu tư và khoản đầu tư tại Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật (hơn 727 tỷ đồng) chiếm 35% tổng nguồn đầu tư của Vilico.

Nhìn chung, kết quả hoạt động của Vilico năm 2023 chủ yếu được phản ánh qua Công ty con chủ lực CTCP Giống Bò Sữa Mộc Châu ("Mộc Châu Milk") khi chiếm trên 99% doanh thu. Lợi nhuận của Mộc Châu Milk năm 2023 so với cùng kỳ 2022 tiếp tục tăng trưởng tốt nhờ cải thiện doanh thu cũng như có thêm thu nhập từ lãi tiền gửi ngân hàng.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



HĐQT nhận xét rằng Ban Điều hành Công ty đều có đủ kinh nghiệm và kiến thức liên quan đến lĩnh vực, ngành nghề mà mình phụ trách, có tinh thần trách nhiệm và tinh thần hợp tác tốt, hoàn toàn có thể để tiếp tục các nhiệm vụ mà ĐHCĐ và HĐQT giao phó.

KẾT QUẢ

Theo đánh giá của HĐQT và BDH đã có sự nỗ lực lớn và thực hiện xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được giao trong năm 2023, bao gồm cả tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, điều lệ và quy chế hoạt động của Công ty, cải tiến và kiện toàn hệ thống tổ chức, kiểm soát, và quản lý.





CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 và giám sát việc thực hiện kế hoạch xuyên suốt trong cả năm 2023.

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy nhân sự của Tổng Công ty sau khi sáp nhập GTNfoods.

Tiếp tục phát triển với nền tảng đã có của Vilico, hướng tới trở thành công ty hoạt động hiệu quả trong lĩnh vực thực phẩm, cung cấp các sản phẩm sữa và thịt chất lượng, an toàn và giàu dinh dưỡng.

Tiếp tục tập trung xây dựng và chuẩn hóa quy trình cho từng bộ phận với mục tiêu đơn giản, tinh gọn nhưng hiệu quả. Công ty cũng đang nghiên cứu việc áp dụng các phần mềm quản lý đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty con, nhằm nâng cao và kiểm soát tốt hơn hiệu quả công việc.

Tập trung đầu tư vốn cho các dự án của Vilico đang triển khai như dự án Trang trại Bò Thịt tại Tam Đảo, Vĩnh Phúc và dự án Nhà máy Sữa Hưng Yên.

Tăng cường kết nối Cộng hưởng tương sinh

CHƯƠNG 05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng Quản trị	40
Ban Kiểm soát	41
Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ	42
Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ	43
Tình hình thực hiện các quy định về quản trị công ty	44





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty có 06 thành viên, trong đó có 01 thành viên HĐQT điều hành và 05 thành viên HĐQT không điều hành, 01 thành viên HĐQT độc lập.



Tại thời điểm 31/12/2023 HĐQT có 05 thành viên trong đó cả 05 thành viên HĐQT đều là TV HĐQT không điều hành, và có 1 thành viên HĐQT độc lập

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	TỶ LỆ SỞ HỮU PHẦN	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ HỌP	
1	Bà Mai Kiều Liên	0%	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành	
2	Ông Trịnh Quốc Dũng	0%	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Thành viên HĐQT điều hành	Miễn nhiệm TV HĐQT từ ngày 27/04/2023
3	Ông Trịnh Phương Nam	0%	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Thành viên HĐQT điều hành	Bổ nhiệm TV HĐQT từ ngày 27/04/2023
4	Lê Thành Liêm	0%	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành	
5	Ông Đỗ Hoàng Phúc	0%	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành	
6	Ông Nguyễn Hồng Bách	0%	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT độc lập	

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: chưa có.





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thực hiện theo các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2023, HĐQT và từng thành viên của HĐQT đã thực hiện hoạt động quản trị Công ty theo đúng chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ để ra theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Hoạt động của HĐQT trong năm 2023 trọng tâm vào các nội dung sau:

Thông qua các nội dung báo cáo của HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành về tình hình hoạt động và sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2023; thông qua các tờ trình ĐHĐCĐ 2023.
Chuẩn bị tổ chức Đại hội đồng thường niên năm 2023 vào ngày 27/04/2023.
Thông qua Báo cáo tài chính 2022 đã được kiểm toán.
Quản lý và giám sát tình hình các công ty con, công ty liên kết theo định hướng, chiến lược phát triển chung của Công ty mẹ.
Chỉ đạo xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.
Triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.
Giám sát hoạt động đầu tư và thoái vốn các khoản đầu tư tại Công ty mẹ và các Công ty con, Công ty liên kết.
Chuẩn bị kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.
Thông qua phương án huy động vốn để triển khai thực hiện dự án bò thịt: Vilico sẽ phát hành thêm cổ phần cho các cổ đông hiện hữu của Vilico để tăng vốn điều lệ cho Vilico, giá trị phát hành tối đa (giá trị huy động vốn tối đa) không quá 600 tỷ đồng.
Phê duyệt ban hành điều lệ mới của Công ty sau khi tăng vốn từ chào bán cổ phiếu ra công chúng.
Ban hành mới sơ đồ tổ chức công ty.
Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm nhân sự.
Thông qua việc triển khai thực hiện phương án chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty
Thông qua giao dịch với bên liên quan.
Thông qua phương án tăng vốn vào Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật năm 2023.
Thông qua chấm dứt hoạt động chi nhánh tại Quận 1, TP.HCM của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP.

Mọi hoạt động của HĐQT đều được xem xét một cách cẩn trọng, tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật hiện hành cũng như Điều lệ Công ty, đảm bảo tính khách quan, minh bạch trên cơ sở quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm đã được pháp luật quy định, tôn trọng và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

Trong năm 2023, HĐQT đã tiến hành 15 cuộc họp định kỳ và đột xuất, dưới hình thức trực tiếp hoặc qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 28 Nghị quyết về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Các cuộc họp HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty. Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành và lưu giữ theo đúng quy định.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
1	01/2023/MLC/NQ- HĐQT	16/01/2023	Thông qua chấm dứt hoạt động chi nhánh tại Quận 1, Tp.HCM của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP	100%
2	02/2023/MLC/NQ- HĐQT	16/01/2023	Thông qua Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	100%
3	03/2023/MLC/NQ- HĐQT	03/04/2023	Thông qua Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	100%
4	04/2023/MLC/NQ- HĐQT	03/04/2023	Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với Ông Nguyễn Đăng Khoa	100%
5	05/2023/MLC/NQ- HĐQT	03/04/2023	Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với Ông Trịnh Quốc Dũng	100%
6	06/2023/MLC/NQ- HĐQT	03/04/2023	Bổ nhiệm Ông Trịnh Phương Nam giữ chức vụ Tổng Giám đốc và là người đại diện pháp luật của Tổng Công ty	100%
7	07/2023/MLC/NQ- HĐQT	03/04/2023	Điều chỉnh sơ đồ tổ chức Công ty	100%
8	08/2023/MLC/NQ- HĐQT	03/04/2023	Thay đổi nhân sự của Vilico tham gia quản lý vốn tại công ty con	100%
9	09/2023/MLC/NQ- HĐQT	03/04/2023	Thay đổi Giám đốc Chi nhánh tại Tp.HCM của Tổng Công ty	100%
10	10/2023/MLC/NQ- HĐQT	14/04/2023	Thông qua danh sách ứng viên bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2024	100%
11	11/2023/MLC/NQ- HĐQT	12/05/2023	Thông qua việc triển khai thực hiện phương án chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ công ty	100%
12	12/2023/MLC/NQ- HĐQT	12/05/2023	Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	100%
13	13/2023/MLC/NQ- HĐQT	12/05/2023	Thông qua phương án chi tiết sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng	100%
14	14/2023/MLC/NQ- HĐQT	12/05/2023	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng	100%

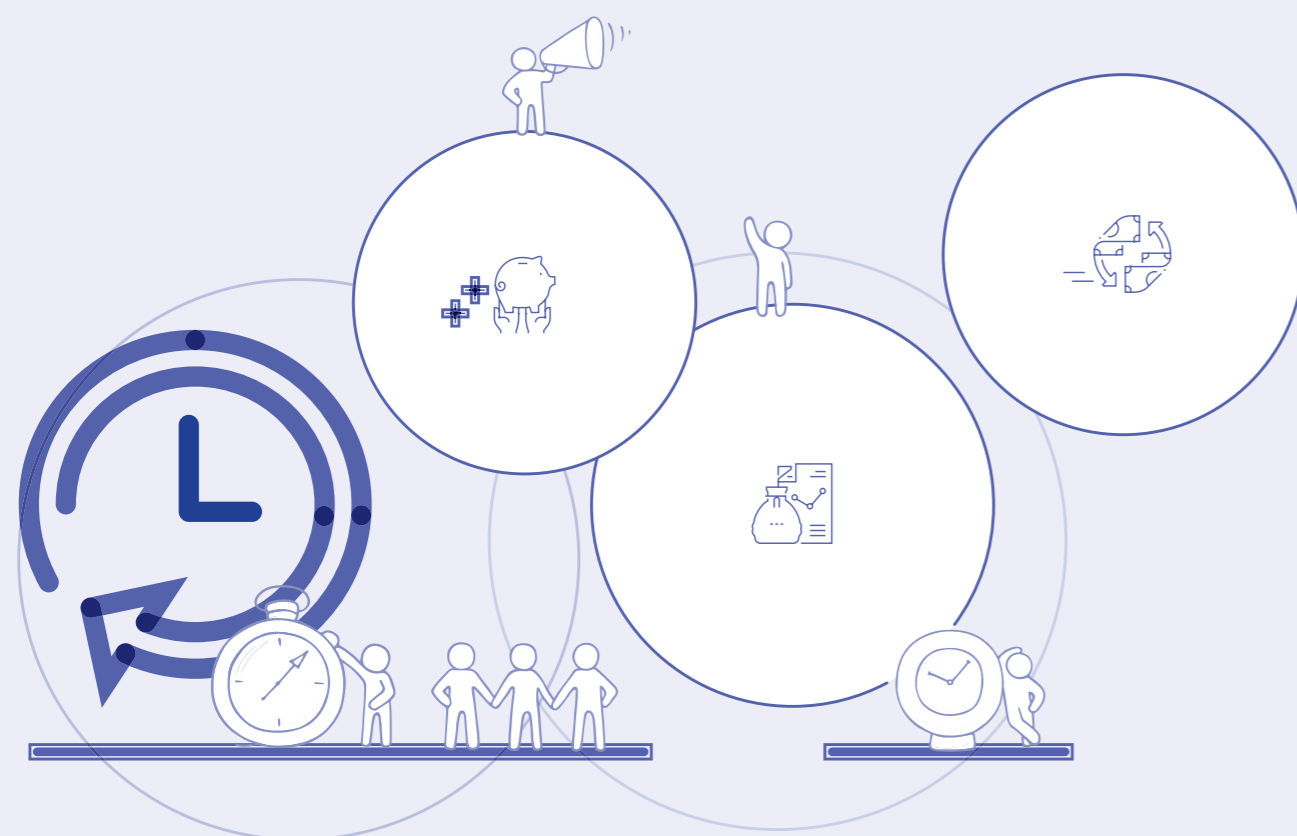
STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
15	15/2023/MLC/NQ- HĐQT	12/05/2023	Triển khai đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán	100%
16	16/2023/MLC/NQ- HĐQT	26/06/2023	Thông qua phương án tăng vốn vào Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật năm 2023	100%
17	17/2023/MLC/NQ- HĐQT	26/06/2023	Đề cử nhân sự tham gia ứng cử thành viên HĐQT tại Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP	100%
18	18/2023/MLC/NQ- HĐQT	28/06/2023	Thay đổi tên người sử dụng đất của khu đất thực hiện Dự án Nhà máy Sữa Hưng Yên: Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP	100%
19	19/2023/MLC/NQ- HĐQT	06/07/2023	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu	100%
20	20/2023/MLC/NQ- HĐQT	06/07/2023	Thông qua phương án chi trả cổ tức bằng tiền năm 2022	100%
21	21/2023/MLC/NQ- HĐQT	10/07/2023	Thay đổi ngày thanh toán cổ tức bằng tiền năm 2023	100%
22	22/2023/MLC/NQ- HĐQT	14/07/2023	Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH KPMG làm đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2023	100%
23	23/2023/MLC/NQ- HĐQT	08/08/2023	Thông qua giao dịch với bên liên quan - Phòng khám Đa khoa An Khang	100%
24	24/2023/MLC/NQ- HĐQT	14/09/2023	Thông qua kết quả phát hành đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng	100%
25	25/2023/MLC/NQ- HĐQT	26/09/2023	Tăng vốn điều lệ và sửa đổi điều lệ của Công ty	100%
26	26/2023/MLC/NQ- HĐQT	19/10/2023	Bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với Ông Đoàn Quốc Khánh để thay thế Ông Trịnh Phương Nam	100%
27	27/2023/MLC/NQ- HĐQT	11/12/2023	Thay đổi tiến độ góp vốn vào Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật năm 2023	100%
28	28/2023/MLC/NQ- HĐQT	26/12/2023	Điều chỉnh Sơ đồ tổ chức và ban hành Chức năng nhiệm vụ của Phòng Kiểm toán nội bộ	100%

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát hiện tại có 03 thành viên. Các thành viên Ban Kiểm soát đều đáp ứng tư cách và có đủ năng lực thực thi nhiệm vụ của mình.

Thành viên Ban Kiểm soát tại thời điểm ngày 31/12/2023 của Công ty như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỨC ĐỘ ĐỘC LẬP
1	Hà Thị Diệu Thu	Trưởng BKS	Không phải là người lao động trong Công ty
2	Trịnh Công Sơn	Thành viên	Không phải là người lao động trong Công ty
3	Trương Anh Vũ	Thành viên	Không phải là người lao động trong Công ty



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TÁC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

BKS đã tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) của Công ty trong năm 2023. Trong đó, BKS đã thảo luận về các điểm cần lưu ý, đề xuất một số khuyến nghị đến HĐQT của Công ty để nâng cao hiệu quả công tác: quản trị, điều hành doanh nghiệp; quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ; quản lý các dự án đầu tư mà Công ty đang triển khai và đảm bảo hiệu quả công tác quản lý các khoản đầu tư của Công ty tại các công ty con/công ty liên kết.

Việc kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định, nghị quyết ĐHCĐ, luật định và các quy định của Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT và HĐQT cũng được BKS nghiêm túc thực hiện, cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự ban hành các nghị quyết của HĐQT và công bố thông tin theo Luật định.
- Giám sát, kiểm tra việc triển khai thực hiện các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 theo nghị quyết của ĐHCĐ đối với HĐQT và HĐQT.
- Kiểm tra tính hợp lý, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo tài chính năm, 6 tháng đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam và các báo cáo hàng quý của Công ty (bao gồm báo cáo riêng và hợp nhất).
- Trong năm 2023, BKS chưa ghi nhận trường hợp nào vi phạm quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ của người quản lý Công ty.

LƯƠNG THƯỞNG, THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA BKS TRONG NĂM 2023

Thù lao của Ban kiểm soát được chi trả trong năm 2023 đã tuân thủ Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2023, cụ thể như sau:

- Bà Hà Thị Diệu Thu (Trưởng ban): 8.000.000 đồng/ tháng
- Ông Trịnh Công Sơn (thành viên): 6.000.000 đồng/ tháng
- Ông Trương Anh Vũ (thành viên): 6.000.000 đồng/ tháng

Không có phát sinh lợi ích khác cho Ban kiểm soát trong năm 2023.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)

KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Hội đồng quản trị

HĐQT đã thực hiện nghiêm túc và đầy đủ trách nhiệm quản lý, tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 và các quy định liên quan khác.

Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. HĐQT hoạt động tích cực và hiệu quả, phối hợp chặt chẽ với BĐH trong việc đưa ra các định hướng cũng như giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

Các nghị quyết của HĐQT được ban hành tuân thủ đúng thẩm quyền của HĐQT. Nội dung của các nghị quyết này tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quy định liên quan khác.

Ban điều hành

Hoạt động điều hành, quản lý:

- Cùng với BĐH, Tổng Giám Đốc Công ty đã triển khai thực hiện đầy đủ và kịp thời các quyết định, nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty; chủ động lập kế hoạch quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh; phát huy hiệu quả bộ máy tổ chức và quản lý của Công ty.
- BĐH Công ty đã tổ chức các cuộc họp để trao đổi và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, các công ty con, công ty liên kết. Đồng thời đưa ra những chỉ đạo, chấn chỉnh và biện pháp khắc phục những tồn tại, thiếu sót trong quản lý, vận hành hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con theo kiến nghị, góp ý của BKS.

Hoạt động kiểm soát: Tích cực xây dựng, hoàn thiện bộ quy trình và chuẩn hóa tác nghiệp quản lý và công tác triển khai thực hiện tại các phòng/ban nội bộ Công ty nhằm giảm thiểu các tác nghiệp không hiệu quả, lãng phí.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban Điều hành và cổ đông

HĐQT, BĐH đã tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện nhiệm vụ; phối hợp chặt chẽ, độc lập, khách quan, hướng tới mục tiêu chung của Công ty; tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy định liên quan. Các ý kiến, kiến nghị của BKS đều được BĐH tiếp nhận tích cực, giải quyết và khắc phục. Một số ít ý kiến, kiến nghị của BKS vẫn đang tiếp tục được BĐH thực hiện, hoàn thiện.

Thẩm định báo cáo tài chính năm 2023

BKS đã xem xét báo cáo tài chính bán niên và năm 2023 đã được soát xét/kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam và thống nhất với các báo cáo này.

Theo kết luận thẩm định của BKS, báo cáo tài chính riêng của Vilico và báo cáo tài chính hợp nhất của Vilico và Công ty con, đã được phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Kiến nghị và kết luận

Kiến nghị: BKS kiến nghị một số nội dung chính sau:

- Tiếp tục và liên tục kiện toàn bộ máy cơ cấu tổ chức, hoàn thiện các quy trình/quy chế/chính sách quản lý nội bộ để nâng cao hiệu quả công tác quản lý, vận hành hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty.
- Xây dựng nền tảng quản trị rủi ro, cơ chế cảnh báo rủi ro cấp tập đoàn; triển khai đến các cấp trong Công ty, các đơn vị thành viên để áp dụng đồng bộ và nhất quán; duy trì và cải tiến hiệu quả cơ chế kiểm soát hệ thống theo hai cấp (tự kiểm soát & kiểm tra), trong đó, cơ chế tự kiểm soát cần được chú trọng và cải tiến liên tục.
- Các kiến nghị cụ thể đã được trình bày và gửi đến HĐQT và BĐH. Hiện Công ty đang trong quá trình cập nhật, hoàn thiện theo các khuyến nghị này.

Kết luận

Qua công tác giám sát và kiểm tra, BKS ghi nhận các hoạt động của Công ty trong năm 2023 đã tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, các quy định liên quan và chấp hành đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT.



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH/	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ		SLCP TĂNG/(GIẢM)	LÝ DO TĂNG/ (GIẢM)
			SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ/%	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ/%		
NGƯỜI NỘI BỘ								
1	Trần Chí Sơn	Phó Tổng Giám đốc	2.120	0,00%	900	0,00%	(1.220)	Giao dịch đầu tư cá nhân
2	Hoàng Mạnh Cường	Kế toán trưởng	6.250	0,00%	7.812	0,00%	1.562	Mua thêm cổ phần từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2023
CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN								
1	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Cổ đông lớn của Vilco	117.187.500	68,00%	146.484.375	68,94%	29.296.875	Mua thêm cổ phần từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2023
2	Phạm Thị Linh	Vợ của Ông Đỗ Hoàng Phúc (TV HĐQT)	5.060.600	2,94%	6.325.750	2,98%	1.265.150	Mua thêm cổ phần từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2023
3	Đỗ Hoàng Phương	Con của Ông Đỗ Hoàng Phúc (TV HĐQT)	5.000.000	2,90%	6.250.000	2,94%	1.250.000	Mua thêm cổ phần từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2023



HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN 2023

ĐƠN VỊ: VND

CÔNG TY MẸ

1	CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM Chi trả cổ tức	70.312.500.000
2	CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM Tăng vốn góp bằng mua cổ phiếu	410.156.250.000

CÔNG TY CON

1	CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG BÒ SỮA MỘC CHÂU Bán hàng hóa, dịch vụ	725.703.982
2	CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG BÒ SỮA MỘC CHÂU Cổ tức được chia	130.459.942.000
3	CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT Góp vốn	351.900.000.000
4	CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT Nhận tạm ứng về chuyển nhượng dự án	45.949.005.870
5	CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT Bán hàng hóa, dịch vụ	348.357.769
	CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT Mua hàng hóa	33.033.462



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY



TRONG NĂM 2023, CÔNG TY TUÂN THỦ ĐẦY ĐỦ VÀ NGHIÊM TÚC CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY ÁP DỤNG CHO CÁC CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, ĐẶC BIỆT LÀ HOẠT ĐỘNG NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN.

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cán bộ quản lý được ủy thác của Công ty luôn nhận thức và tuân thủ trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực và tránh xung đột về quyền lợi theo quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, cụ thể như sau:



Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, các cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.



Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, các cán bộ quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân, không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.



Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty liên kết do Công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc Nghị quyết Hội đồng Quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/Sở Giao dịch Chứng khoán.



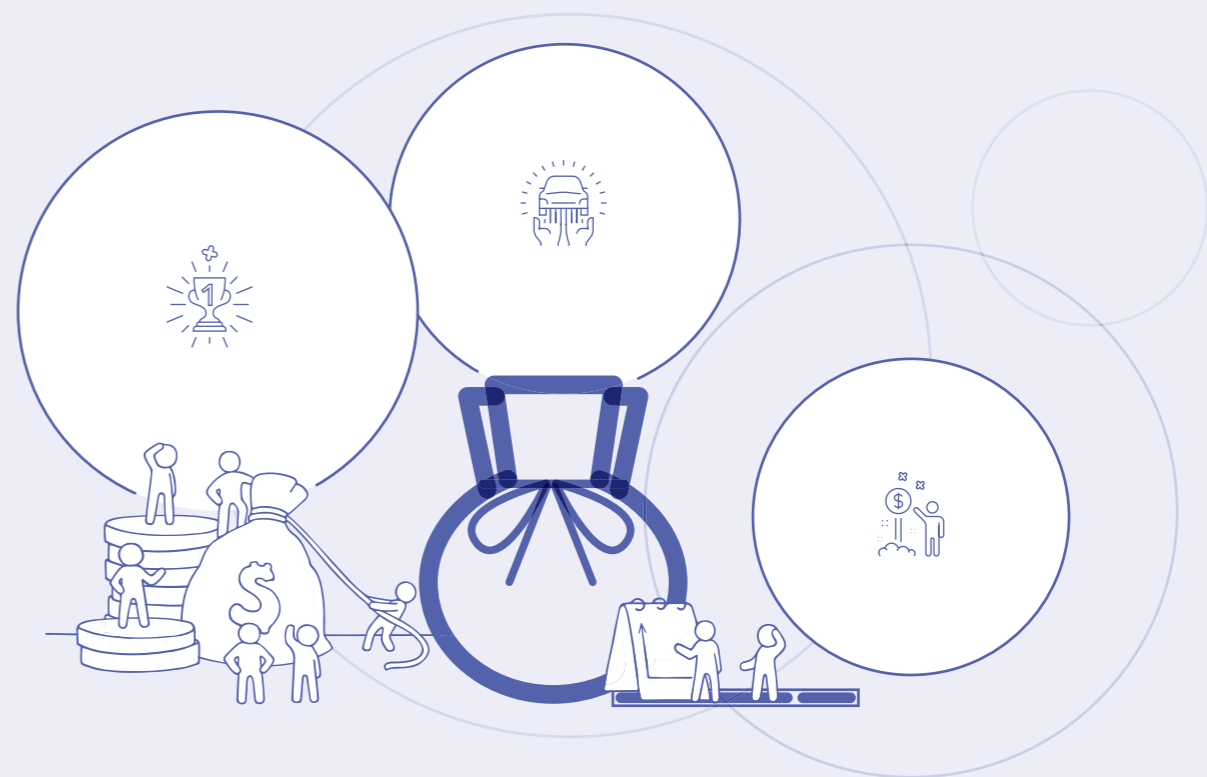
Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.



Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.



Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, các cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng những thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.



Ngày 10/11/2023, Sở GDCK Hà Nội (HNX) đã tổ chức “Hội nghị Doanh nghiệp thường niên 2023”. Đây là chuỗi chương trình thường niên để gặp gỡ, trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm quản trị công ty giữa cộng đồng doanh nghiệp (DN) niêm yết, đăng ký giao dịch với các cơ quan quản lý, vận hành thị trường. Chương trình đã nhận được sự quan tâm, tham dự của gần 400 đại diện lãnh đạo doanh nghiệp. Tại hội nghị, HNX công bố các doanh nghiệp UPCoM quy mô lớn CBTT và minh bạch tốt nhất năm 2022-2023 và các DN niêm yết thực hiện quản trị công ty tốt nhất năm 2022-2023 nhằm tôn vinh và lan tỏa nỗ lực của các doanh nghiệp này trong việc thực hiện các quy định CBTT và thực hành quản trị công ty. Chương trình đánh giá chất lượng CBTT và minh bạch năm 2023 lựa chọn 305 DN đại chúng quy mô lớn. Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng CBTT và minh

bạch năm 2022-2023 gồm 72 tiêu chí được xây dựng từ góc nhìn của nhà đầu tư và được xếp vào 4 nguyên tắc là: Quyền & Đối xử công bằng với các cổ đông và các chức năng sở hữu cơ bản; Đảm bảo vai trò của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty; Minh bạch và CBTT; và Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. So với bộ tiêu chí đánh giá năm 2022, năm nay, HNX thay thế 16 tiêu chí đánh giá và thay đổi nội dung 11 tiêu chí đánh giá theo hướng tăng cường tuân thủ quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành cũng như khuyến khích các DN đại chúng quy mô lớn tự nguyện tiếp cận các chuẩn mực quốc tế/thông lệ tốt về quản trị công ty. Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP vinh dự được nằm trong Top 10 doanh nghiệp UPCoM thực hiện CBTT và minh bạch tốt nhất năm 2022-2023.





Các nỗ lực và hoạt động tích cực về môi trường và xã hội trong năm 2023 vừa qua của Vilico đã thể hiện rõ những định hướng và quyết tâm của mình.



Nâng tầm giá trị Vững tiến vươn xa

CHƯƠNG 06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán.	40
Báo cáo tài chính được kiểm toán.	41



THÔNG TIN VỀ TỔNG CÔNG TY

Các văn bản thành lập Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100104443 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất (lần thứ 12) là ngày 16 tháng 11 năm 2023.

Hội đồng Quản trị	Bà Mai Kiều Liên	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Hồng Bách	Thành viên
	Ông Lê Thành Liêm	Thành viên
	Ông Đỗ Hoàng Phúc	Thành viên
	Ông Trịnh Phương Nam	Thành viên (từ ngày 27/4/2023)
	Ông Trịnh Quốc Dũng	Thành viên (đến ngày 27/4/2023)

Ban Tổng Giám đốc	Ông Đoàn Quốc Khánh	Tổng Giám đốc (từ ngày 20/10/2023)
	Ông Trịnh Phương Nam	Tổng Giám đốc (từ ngày 1/5/2023 đến ngày 19/10/2023)
	Ông Trịnh Quốc Dũng	Tổng Giám đốc (đến ngày 1/5/2023)
	Ông Nguyễn Đức Nam	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/3/2024)
	Ông Trần Chí Sơn	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 29/2/2024)
	Ông Nguyễn Đăng Khoa	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 25/4/2023)

Ban Kiểm soát	Bà Hà Thị Diệu Thu	Trưởng Ban
	Ông Trịnh Công Sơn	Thành viên
	Ông Trương Anh Vũ	Thành viên

Trụ sở đăng ký 519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 100 đến trang 150 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Đoàn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, 18/03/2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông và Hội đồng Quản trị
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 18/03/2024, được trình bày từ trang 100 đến trang 150.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-02-00143-24-2



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 18/03/2024

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2023-007-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		4.395.841.797.909	3.561.563.542.578
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.333.640.975.908	743.764.825.266
Tiền	111		165.271.086.233	66.764.825.266
Các khoản tương đương tiền	112		1.168.369.889.675	677.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.212.175.239.600	2.111.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	2.212.175.239.600	2.111.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		565.559.399.399	455.008.042.146
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	209.426.858.305	193.163.559.407
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	199.127.134.212	158.994.999.350
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	161.105.281.882	106.809.558.389
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(4.099.875.000)	(3.960.075.000)
Hàng tồn kho	140	10	210.159.908.095	209.953.828.786
Hàng tồn kho	141		213.712.842.801	211.775.717.415
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.552.934.706)	(1.821.888.629)
Tài sản ngắn hạn khác	150		74.306.274.907	41.836.846.380
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	8.294.069.928	6.136.087.381
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		24.173.581.908	15.496.939.808
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	19	41.838.623.071	20.203.819.191

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.518.694.296.782	1.336.812.997.246
Các khoản phải thu dài hạn khác	210		309.215.750	288.468.600
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	309.215.750	288.468.600
Tài sản cố định	220		940.851.444.594	841.030.727.251
Tài sản cố định hữu hình	221	11	498.591.750.755	363.647.004.349
<i>Nguyên giá</i>	222		1.446.050.755.948	1.234.160.309.361
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(947.459.005.193)	(870.513.305.012)
Tài sản cố định vô hình	227	12	442.259.693.839	477.383.722.902
<i>Nguyên giá</i>	228		694.627.026.579	694.102.346.576
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(252.367.332.740)	(216.718.623.674)
Tài sản dở dang dài hạn	240		239.769.884.354	107.127.735.141
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	13	11.324.330.731	11.391.545.403
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	228.445.553.623	95.736.189.738
Đầu tư tài chính dài hạn	250		180.672.273.260	194.042.601.462
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	5(b)	173.121.453.660	186.491.781.862
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(c)	29.845.631.927	29.845.631.927
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5(c)	(22.294.812.327)	(22.294.812.327)
Tài sản dài hạn khác	260		157.091.478.824	194.323.464.792
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	18.814.363.410	9.953.977.573
Lợi thế thương mại	269	17	138.277.115.414	184.369.487.219
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		5.914.536.094.691	4.898.376.539.824

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT


tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

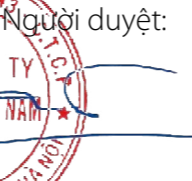
Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		507.288.445.735	441.483.489.059
Nợ ngắn hạn	310		383.348.951.078	301.263.026.624
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	153.446.507.473	106.774.996.534
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.253.225.266	2.385.720.705
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	3.221.153.642	1.307.871.475
Phải trả người lao động	314		20.834.169.802	22.525.106.419
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	86.962.286.651	63.962.270.314
Phải trả ngắn hạn khác	319	21(a)	22.519.295.983	27.900.424.333
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		2.232.994.560	2.004.069.118
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	91.879.317.701	74.402.567.726
Nợ dài hạn	330		123.939.494.657	140.220.462.435
Phải trả dài hạn khác	337	21(b)	1.063.378.252	3.711.780.002
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	16(a)	119.587.417.399	133.250.351.038
Dự phòng phải trả dài hạn	342		3.288.699.006	3.258.331.395
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		5.407.247.648.956	4.456.893.050.765
Vốn chủ sở hữu	410	23	5.407.247.648.956	4.456.893.050.765
Vốn cổ phần	411	24	2.124.916.110.000	1.723.461.730.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.124.916.110.000	1.723.461.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.192.426.603.378	1.032.465.751.378
Vốn khác của chủ sở hữu	414		37.813.265.256	37.813.265.256
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(64.809.947.101)	(64.809.947.101)
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	132.180.196.331	94.218.764.359
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		368.973.120.483	383.821.807.159
- LNST chưa phân phối/(lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		280.414.103.359	(318.652.005.629)
- LNST năm nay	421b		88.559.017.124	702.473.812.788
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.615.748.300.609	1.249.921.679.714
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		5.914.536.094.691	4.898.376.539.824

18-03-2024

Người lập:  Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Người xem xét:  Nguyễn Đức Nam
Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt:  Đoàn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	3.154.135.415.593	3.141.724.414.769
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	2.130.324.193	1.429.539.473
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	27	3.152.005.091.400	3.140.294.875.296
Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	11	28	2.205.689.908.842	2.176.695.145.121
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		946.315.182.558	963.599.730.175
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	266.335.775.571	158.159.542.030
Chi phí tài chính	22	30	951.991.578	5.507.398.072
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	636.335.055
Phần lỗ trong công ty liên kết	24		(13.370.328.202)	(3.274.852.245)
Chi phí bán hàng	25	31	725.680.456.134	697.864.020.304
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	143.451.212.742	127.432.496.522
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		329.196.969.473	287.680.505.062
Thu nhập khác	31	33	17.468.070.584	27.384.749.853
Chi phí khác	32	34	19.361.117.580	57.655.200.608
Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(1.893.046.996)	(30.270.450.755)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		327.303.922.477	257.410.054.307
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	51.858.741.460	34.137.728.602
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	36	(13.662.933.640)	(14.269.564.638)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		289.108.114.657	237.541.890.343
Phân bổ cho:				
Cổ đông phổ thông của Công ty mẹ	61		156.602.643.769	115.961.288.861
Cổ đông không kiểm soát	62		132.505.470.888	121.580.601.482
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	689	461

18-03-2024

Người lập:  Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Người xem xét:  Nguyễn Đức Nam
Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt:  Đoàn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	327.303.922.477	257.410.054.307
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	175.599.324.268	165.343.207.345
Các khoản dự phòng	03	2.130.139.130	6.065.263.238
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	403.325	765.052
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(239.133.935.829)	(123.304.683.731)
Chi phí lãi vay	06	-	636.335.055
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	265.899.853.371	306.150.941.266
Biến động các khoản phải thu	09	(33.273.381.650)	(26.018.527.910)
Biến động hàng tồn kho	10	(1.937.125.386)	(14.079.148.018)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	68.407.160.998	13.732.504.666
Biến động chi phí trả trước	12	(10.643.292.041)	(499.327.056)
		288.453.215.292	279.286.442.948
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(799.033.504)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(64.871.125.625)	(45.034.986.128)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	3.300.000	11.920.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(27.847.536.691)	(34.188.637.917)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	195.737.852.976	199.275.705.399
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(388.846.099.123)	(269.705.612.858)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	3.593.995.046	20.461.430.162
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn và ứng vốn đầu tư cho các hộ nông dân	23	(3.423.910.239.600)	(2.511.304.436.335)
Tiền thu từ rút tiền gửi có kỳ hạn và nhận lại ứng vốn đầu tư	24	3.280.932.064.438	2.924.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	215.804.258.930	157.110.698.968
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(312.426.020.309)	320.562.079.937

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

	Mã số	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	899.515.232.000	338.100.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(77.155.349.198)
Tiền trả cổ tức	36	(192.950.510.700)	(215.228.086.970)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	706.564.721.300	45.716.563.832
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	589.876.553.967	565.554.349.168
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	743.764.825.266	178.211.241.150
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(403.325)	(765.052)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	1.333.640.975.908	743.764.825.266

18-03-2024

Người lập:



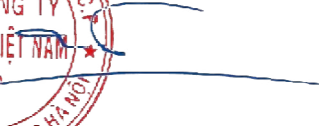
Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Người xem xét:



Nguyễn Đức Nam
Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt:

Đoàn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) tiền thân là Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, được thành lập theo Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100104443 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 11 năm 2023.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con, và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là:

- » Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò;
- » Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn;
- » Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- » Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- » Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; và
- » Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có 2 công ty con và 5 công ty liên kết (1/1/2023: 2 công ty con và 5 công ty liên kết) như sau:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	31/12/2023		1/1/2023	
			Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu
Công ty con						
1	Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (“MCM”)	Tỉnh Sơn La	59,30%	59,30%	59,30%	59,30%
2	Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật	Hà Nội	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty liên kết						
1	Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	Hà Nội	36,00%	36,00%	36,00%	36,00%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng	Hải Phòng	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%
3	Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP (*)	Hà Nội	16,23%	16,23%	16,23%	16,23%
4	Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	38,30%	38,30%	38,30%	38,30%
5	Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	Tỉnh Quảng Nam	40,06%	40,06%	40,06%	40,06%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty và các công ty con có 866 nhân viên (1/1/2023: 859 nhân viên).

(*) Tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty tại Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP dưới 20%. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP thông qua việc Tổng Công ty có thành viên Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty là Thành viên Hội đồng Quản trị của công ty này. Do đó, khoản đầu tư vào Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP được trình bày trên khoản mục Đầu tư vào công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính. Toàn bộ các số liệu được trình bày bằng VND, trừ khi được ghi chú khác.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại công ty liên kết.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty hoặc công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Gia súc

Gia súc được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của gia súc bao gồm tất cả các chi phí thực tế và các chi phí liên quan trực tiếp đã phát sinh để hình thành và nuôi lớn gia súc cho đến khi đưa gia súc đến trạng thái hoạt động cho mục đích sản xuất đã dự kiến (khi gia súc đạt đủ 16 tháng tuổi).

Tài sản cố định hữu hình khác

Tài sản cố định hữu hình khác được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình khác bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình khác đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình khác vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình khác.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

» Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 50 năm
» Máy móc và thiết bị	4 – 30 năm
» Phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
» Thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
» Gia súc	4 – 8 năm
» Tài sản khác	3 – 8 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Lợi thế quyền thuê đất, lợi thế thương hiệu và lợi thế vùng nguyên liệu

Lợi thế quyền thuê đất, lợi thế thương hiệu và lợi thế vùng nguyên liệu là các tài sản cố định vô hình mà Tổng Công ty có được từ việc mua lại các công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại thời điểm Tổng Công ty mua các công ty con.

Lợi thế quyền thuê đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian còn lại của các hợp đồng thuê đất. Lợi thế thương hiệu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm. Lợi thế vùng nguyên liệu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 18 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính và phần mềm quản lý

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới và phần mềm quản lý mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính và phần mềm quản lý được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng tài sản cố định hữu hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty và các công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ, thuê biển quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 18 tháng đến 36 tháng.

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

(l) Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi

Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi được thành lập với mục tiêu đảm bảo hỗ trợ cho các hộ chăn nuôi nhanh chóng khôi phục sản xuất khi gặp phải những rủi ro trong chăn nuôi từ hao hụt bò và bê. Đối tượng tham gia và đóng góp vào Quỹ này là các hộ chăn nuôi tham gia ký “Hợp đồng mua bán sữa bò tươi” với Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (“MCM”), một công ty con của Tổng Công ty. Việc tham gia Quỹ này được thực hiện trên cơ sở tự nguyện. Quỹ không được sử dụng để thực hiện bất kỳ một hoạt động kinh doanh nào của MCM mà chỉ phục vụ mục đích nêu trên. Quỹ không được trả lại cho các hộ khi bị thanh lý hợp đồng, kể cả trong trường hợp các hộ này chấm dứt tham gia vào quỹ, trừ trường hợp giải thể quỹ hoặc theo thỏa thuận giữa các bên.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2023, MCM dừng việc thu Quỹ, số dư của Quỹ được chi trả cho các hộ chăn nuôi theo quy chế của Quỹ cho tới khi chi hết Quỹ. Trong quá trình hoạt động, khoản tiền mặt tạm thời chưa sử dụng có thể được gửi tiết kiệm tại các ngân hàng thương mại hoặc tổ chức tín dụng. Lãi phát sinh trên tài khoản tiết kiệm của Quỹ được ghi nhận tăng tương ứng vào tài khoản Quỹ trên cơ sở thực thu tiền.

(m) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tổng Công ty và các công ty con và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty và các công ty con chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(o) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(s) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm. Do vậy yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty và các công ty con chủ yếu hoạt động sản xuất kinh doanh là chăn nuôi bò sữa, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm liên quan đến bò sữa. Do đó, Tổng Công ty và các công ty con không trình bày báo cáo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng Công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ của Tổng Công ty, và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con trong năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền mặt	57.918.453	106.629.778
Tiền gửi ngân hàng	165.213.167.780	66.658.195.488
Trong đó:		
- Số dư tài khoản tiền gửi từ Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi (i)	244.412.019	3.342.720.190
Các khoản tương đương tiền (ii)	1.168.369.889.675	677.000.000.000
Trong đó:		
- Số dư tài khoản tiền gửi Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi (i)	3.065.322.000	9.000.000.000
	1.333.640.975.908	743.764.825.266

- (i) Số dư tài khoản tiền gửi từ Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi được theo dõi trên một tài khoản ngân hàng riêng. Tiền gửi Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi chỉ được sử dụng cho mục đích hỗ trợ các hộ chăn nuôi nhanh chóng khôi phục sản xuất khi gặp phải những rủi ro trong chăn nuôi và không được sử dụng cho mục đích nào khác.
- (ii) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 phản ánh các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng.

5. Đầu tư tài chính

- (a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	31/12/2023	1/1/2023
	Giá gốc VND	Giá gốc VND
	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
• Tiền gửi có kỳ hạn	2.212.175.239.600	2.212.175.239.600
	2.212.175.239.600	2.111.000.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 6 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng trong nước. Trong đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có 2.075.239.600 VND tiền gửi có kỳ hạn từ nguồn Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi (1/1/2023: 6.000.000.000 VND). Giá gốc của các khoản tiền gửi này xấp xỉ giá trị hợp lý do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

		31/12/2023				
	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	Lâm Đồng	5.613.217	38,30%	38,30%	92.660.338.783	(*)
Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP	Hà Nội	7.400.000	16,23%	16,23%	44.974.235.835	(*)
Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	Quảng Nam	6.750.000	40,06%	40,06%	24.888.342.921	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng	Hải Phòng	491.658	30,00%	30,00%	-	(*)
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	Hà Nội	-	36,00%	36,00%	10.598.536.121	(*)
					173.121.453.660	

		1/1/2023				
	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	Lâm Đồng	5.613.217	38,30%	38,30%	108.377.806.387	(*)
Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP	Hà Nội	7.400.000	16,23%	16,23%	44.379.043.503	(*)
Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	Quảng Nam	6.750.000	40,06%	40,06%	24.257.118.267	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng	Hải Phòng	491.658	30,00%	30,00%	-	(*)
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	Hà Nội	-	36,00%	36,00%	9.477.813.705	(*)
					186.491.781.862	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

			31/12/2023				
	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương	Hà Nội	1.722.715	17,23%	17,23%	17.609.383.826	(17.609.383.826)	(*)
Công ty Cổ phần Sữa Đà Lạt	Lâm Đồng	746.810	5,64%	5,64%	7.467.100.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Chế biến Xuất nhập khẩu	Hà Nội	291.264	17,12%	17,12%	4.685.428.501	(4.685.428.501)	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Mộc Châu	Sơn La	7.730	0,09%	0,09%	83.719.600	-	(*)
					29.845.631.927	(22.294.812.327)	

			1/1/2023				
	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương	Hà Nội	1.722.715	17,23%	17,23%	17.609.383.826	(17.609.383.826)	(*)
Công ty Cổ phần Sữa Đà Lạt	Lâm Đồng	746.810	5,64%	5,64%	7.467.100.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Chế biến Xuất nhập khẩu	Hà Nội	291.264	17,12%	17,12%	4.685.428.501	(4.685.428.501)	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Mộc Châu	Sơn La	7.730	0,13%	0,13%	83.719.600	-	(*)
					29.845.631.927	(22.294.812.327)	

(*) Tổng Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường hoặc khối lượng giao dịch trên thị trường thấp cho các khoản đầu tư này, và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(6) Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam – công ty mẹ	35.267.030.828	54.133.995.274
Bên khác		
Công ty Cổ phần Phát triển TNS Việt Nam	1.269.707.441	-
Công ty TNHH Aeon Việt Nam	1.579.868.980	-
Công ty TNHH Vũ Xuân Bình	-	10.111.873.597
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Thuận Hưng	-	6.079.344.230
Các khách hàng khác	171.310.251.056	122.838.346.306
	209.426.858.305	193.163.559.407

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có bảo đảm, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 40 - 47 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty TNHH Maeda Việt Nam (*)	122.195.632.115	118.800.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Thương mại Đại Dũng	25.867.523.065	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc Việt	20.949.748.627	-
Công ty Cổ phần Tetrapak Việt Nam	1.077.333.450	8.187.318.570
Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS	3.721.075.000	3.721.075.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	25.315.821.955	28.286.605.780
	199.127.134.212	158.994.999.350

(*) Đây là khoản tiền tạm ứng theo hợp đồng thiết kế và xây dựng Dự án đầu tư cải tạo trang trại, chuyển đổi vật nuôi từ lợn sang bò thịt, xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối ("Dự án") tại huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

8. Phải thu khác

(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Bên liên quan		
Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP	12.337.000	12.337.000
Bên khác		
Lãi tiền gửi	126.487.849.629	82.781.453.432
Đầu tư ứng vốn cho các hộ chăn nuôi	24.542.700.000	20.004.600.000
Phải thu khác	10.062.395.253	4.011.167.957
	161.105.281.882	106.809.558.389

(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Ký cược, ký quỹ	309.215.750	288.468.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ khó có khả năng thu hồi				
Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS	3.721.075.000	(3.721.075.000)	-	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật liệu Xây dựng Cát Linh	239.000.000	(239.000.000)	-	-
Công ty TNHH Usan Mandes	139.800.000	(139.800.000)	-	-
	4.099.875.000	(4.099.875.000)	-	-
<i>Trong đó:</i>				
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(3.960.075.000)	(3.960.075.000)

10. Hàng tồn kho

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	1.603.919.109	-
Nguyên vật liệu	147.277.620.727	(1.754.923.165)	159.533.378.953	(496.026.179)
Công cụ và dụng cụ	2.684.341.574	(293.843.525)	2.787.349.536	(384.818.698)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	33.280.329.333	-	23.792.379.060	-
Thành phẩm	29.967.489.257	(1.504.168.016)	23.800.022.413	(941.043.752)
Hàng hóa	503.061.910	-	152.847.858	-
Hàng gửi đi bán	-	-	105.820.486	-
	213.712.842.801	(3.552.934.706)	211.775.717.415	(1.821.888.629)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Gia súc	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	238.914.806.805	836.725.267.717	77.117.518.980	10.820.607.269	60.982.149.067	9.599.959.523	1.234.160.309.361
Tăng trong năm	2.077.352.259	36.812.446.124	2.350.952.599	3.596.178.148	409.550.000	-	45.246.479.130
Chuyển từ chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-	16.369.733.493	-	16.369.733.493
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	77.997.602.438	93.039.743.614	-	-	-	6.588.055.679	177.625.401.731
Phân loại lại	3.879.675.585	12.395.171.617	-	(86.832.000)	-	(16.188.015.202)	-
Thanh lý, nhượng bán	(1.005.131.334)	(7.729.682.340)	(883.701.428)	-	(17.732.652.665)	-	(27.351.167.767)
Số dư cuối năm	321.864.305.753	971.242.946.732	78.584.770.151	14.329.953.417	60.028.779.895	-	1.446.050.755.948
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	174.480.796.407	596.963.376.384	67.661.400.976	3.188.942.470	21.641.485.677	6.577.303.098	870.513.305.012
Khấu hao trong năm	13.519.134.510	34.681.889.355	2.911.937.060	2.197.606.628	9.108.579.386	624.393.328	63.043.540.267
Khấu hao tài sản được đánh giá lại giá trị hợp lý	6.926.164.200	23.374.317.129	313.530.267	-	200.691.534	-	30.814.703.130
Phân loại lại	3.458.747.906	3.747.173.410	-	(4.224.890)	-	(7.201.696.426)	-
Thanh lý, nhượng bán	(853.107.596)	(6.743.118.228)	(883.701.428)	-	(8.432.615.964)	-	(16.912.543.216)
Số dư cuối năm	197.531.735.427	652.023.638.050	70.003.166.875	5.382.324.208	22.518.140.633	-	947.459.005.193
Giá trị còn lại							
Số dư đầu năm	64.434.010.398	239.761.891.333	9.456.118.004	7.631.664.799	39.340.663.390	3.022.656.425	363.647.004.349
Số dư cuối năm	124.332.570.326	319.219.308.682	8.581.603.276	8.947.629.209	37.510.639.262	-	498.591.750.755

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các tài sản có nguyên giá 611.283 triệu VND (1/1/2023: 539.896 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Lợi thế quyền thuê đất VND	Lợi thế thương hiệu VND	Lợi thế vùng nguyên liệu VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	165.948.848.225	325.192.463.989	197.956.870.362	5.004.164.000	-	694.102.346.576
Tăng trong năm	-	-	-	-	524.680.003	524.680.003
Số dư cuối năm	165.948.848.225	325.192.463.989	197.956.870.362	5.004.164.000	524.680.003	694.627.026.579
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	48.949.259.024	97.557.739.195	65.985.623.454	4.226.002.001	-	216.718.623.674
Khấu hao trong năm	-	-	-	498.997.129	32.677.443	531.674.572
Khấu hao tài sản đã đánh giá lại giá trị hợp lý	7.859.807.386	16.259.623.199	10.997.603.909	-	-	35.117.034.494
Số dư cuối năm	56.809.066.410	113.817.362.394	76.983.227.363	4.724.999.130	32.677.443	252.367.332.740
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	116.999.589.201	227.634.724.794	131.971.246.908	778.161.999	-	477.383.722.902
Số dư cuối năm	109.139.781.815	211.375.101.595	120.973.642.999	279.164.870	492.002.560	442.259.693.839

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có tài sản có nguyên giá 4.429 triệu VND (1/1/2023: 3.429 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn phản ánh giá trị ghi sổ của bò sữa dưới 16 tháng tuổi, và chi phí này sẽ được chuyển sang tài sản cố định hữu hình dưới danh mục gia súc khi bò đủ 16 tháng tuổi, là khi bò đã sẵn sàng cho việc sản xuất sữa.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	95.736.189.738	102.899.685.197
Tăng trong năm	310.709.841.959	118.712.612.927
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(177.625.401.731)	(125.876.108.386)
Chuyển sang công cụ dụng cụ dài hạn	(375.076.343)	-
Số dư cuối năm	228.445.553.623	95.736.189.738

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Trang trại du lịch sinh thái bò sữa công nghệ cao 4000 con	100.212.018.073	4.651.483.536
Dự án Tam Đảo bò thịt	85.715.082.910	10.271.530.741
Dự án Nhà máy Sữa Hưng Yên	32.862.278.915	-
Dự án nâng cấp Trung tâm giống số 2	4.051.466.587	69.879.067.477
Dự án Đầu tư xây dựng tòa nhà Vilico Tower	2.664.654.545	10.934.107.984
Các công trình khác	2.940.052.593	-
	228.445.553.623	95.736.189.738

15. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công cụ dụng cụ	786.686.814	1.498.243.117
Chi phí quảng cáo	1.620.458.470	275.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	5.886.924.644	4.362.844.264
	8.294.069.928	6.136.087.381

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	7.323.738.440	2.630.239.133	9.953.977.573
Tăng trong năm	15.752.287.667	2.680.152.725	18.432.440.392
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	375.076.343	-	375.076.343
Phân bổ trong năm	(7.994.958.164)	(1.952.172.734)	(9.947.130.898)
Số dư cuối năm	15.456.144.286	3.358.219.124	18.814.363.410

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

(a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	Thuế suất	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Phát sinh từ dự phòng đầu tư vào công ty con, công ty liên kết	20%	9.986.766.098	10.239.105.613
Phát sinh từ tài sản đánh giá lại	20%	109.600.651.301	123.011.245.425
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả		119.587.417.399	133.250.351.038

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2023		1/1/2023	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.737.856.425	347.571.285	-	-
Lỗi tính thuế	16.423.915.820	3.284.783.164	38.955.456.048	7.791.091.210
	18.161.772.245	3.632.354.449	38.955.456.048	7.791.091.210

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào những năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2027	Chưa quyết toán	15.387.670.700
2028	Chưa quyết toán	1.036.245.120
		16.423.915.820

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tổng Công ty và các công ty con có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

17. Lợi thế thương mại

	Lợi thế thương mại VND
Giá gốc	
Số dư đầu năm và cuối năm	460.923.718.049
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	276.554.230.830
Phân bổ trong năm	46.092.371.805
Số dư cuối năm	322.646.602.635
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu năm	184.369.487.219
Số dư cuối năm	138.277.115.414

18. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	4.249.629.635	906.707.016
Các công ty liên quan khác		
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	857.500.000	896.000.000
Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam	1.817.241.812	4.430.269.691
Các bên khác		
Các hộ chăn nuôi	41.055.768.912	35.400.403.674
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 52	22.922.737.736	-
Các bên khác	82.543.629.378	65.141.616.153
	153.446.507.473	106.774.996.534

Khoản phải trả đối với các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng từ 20 đến 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế và các khoản (phải thu)/phải nộp Nhà nước

	1/1/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/ bù trừ trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng (*)	(17.942.559.669)	95.037.488.774	(100.777.903.137)	(23.682.974.032)
Thuế xuất nhập khẩu	-	66.250.858	(66.250.858)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.702.274.436)	51.858.741.460	(64.871.125.625)	(14.714.658.601)
Thuế thu nhập cá nhân	73.267.507	10.528.794.319	(10.246.272.155)	355.789.671
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	656.779.006	13.841.796.235	(15.094.475.708)	(595.900.467)
Các loại thuế khác	18.839.876	1.492.154.244	(1.490.720.120)	20.274.000
	(18.895.947.716)	172.825.225.890	(192.546.747.603)	(38.617.469.429)

Trong đó:

	1/1/2023 VND	31/12/2023 VND
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	(20.203.819.191)	(41.838.623.071)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.307.871.475	3.221.153.642
	(18.895.947.716)	(38.617.469.429)

(*) Số thuế giá trị gia tăng phải nộp trong năm thể hiện số liệu sau khi đã bù trừ với thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ trong năm.

Các nghĩa vụ thuế của Tổng Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí hỗ trợ, quảng cáo, khuyến mại (i)	68.869.657.498	52.268.513.520
Phải trả tiền mua sữa từ các hộ chăn nuôi	2.763.274.870	3.066.245.380
Chi phí quảng cáo trên phương tiện truyền thông	4.056.263.697	2.696.950.590
Chi phí bảo dưỡng máy móc	2.671.590.375	19.272.649
Các khoản trích trước khác	8.601.500.211	5.911.288.175
	86.962.286.651	63.962.270.314

(i) Chi phí thực hiện chương trình khuyến mại thể hiện chi phí phải trả cho các khách hàng theo các chương trình khuyến mại Tổng Công ty và các công ty con đang áp dụng.

21. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi	5.384.973.619	18.342.719.689
Kinh phí công đoàn	286.839.162	2.205.563.434
Phải trả, thanh toán tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	917.800.570	657.737.373
Cổ tức phải trả	168.419.730	165.670.830
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15.761.262.902	6.528.733.007
	22.519.295.983	27.900.424.333

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Quỹ khuyến học và các quỹ khác	790.778.252	2.624.600.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	272.600.000	1.087.180.002
	1.063.378.252	3.711.780.002

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	74.402.567.726	64.195.721.193
Trích lập trong năm	45.320.986.666	44.383.564.450
Tặng khác	3.300.000	11.920.000
Sử dụng trong năm	(27.847.536.691)	(34.188.637.917)
Số dư cuối năm	91.879.317.701	74.402.567.726

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	(Lỗ lũy kế)/ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 1/1/2022	2.500.000.000.000	255.927.481.378	37.813.265.256	(64.809.947.101)	54.922.307.639	(215.244.301.829)	1.572.358.623.329	4.140.967.428.672
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	115.961.288.861	121.580.601.482	237.541.890.343
Giảm vốn chủ sở hữu do hoán đổi cổ phiếu khi sáp nhập	(937.516.910.000)	937.516.910.000	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn do sáp nhập	631.010.000.000	-	-	-	-	-	-	631.010.000.000
Hủy cổ phiếu sau sáp nhập	(470.031.360.000)	(160.978.640.000)	-	-	-	-	-	(631.010.000.000)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(103.407.703.800)	(111.925.000.000)	(215.332.703.800)
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	39.296.456.720	(39.296.456.720)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	-	(29.567.811.662)	(14.815.752.788)	(44.383.564.450)
Công ty con tăng vốn	-	-	-	-	-	-	338.100.000.000	338.100.000.000
Giảm tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát do ảnh hưởng của việc sáp nhập	-	-	-	-	-	655.376.792.309	(655.376.792.309)	-
Số dư tại ngày 31/12/2022	1.723.461.730.000	1.032.465.751.378	37.813.265.256	(64.809.947.101)	94.218.764.359	383.821.807.159	1.249.921.679.714	4.456.893.050.765

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 1/1/2023	1.723.461.730.000	1.032.465.751.378	37.813.265.256	(64.809.947.101)	94.218.764.359	383.821.807.159	1.249.921.679.714	4.456.893.050.765
Phát hành thêm cổ phiếu	401.454.380.000	159.960.852.000	-	-	-	-	-	561.415.232.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	156.602.643.769	132.505.470.888	289.108.114.657
Cổ tức	-	-	-	-	-	(103.407.703.800)	(89.540.058.000)	(192.947.761.800)
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	37.961.431.972	(37.961.431.972)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	-	(30.082.194.673)	(15.238.791.993)	(45.320.986.666)
Công ty con tăng vốn	-	-	-	-	-	-	338.100.000.000	338.100.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2023	2.124.916.110.000	1.192.426.603.378	37.813.265.256	(64.809.947.101)	132.180.196.331	368.973.120.483	1.615.748.300.609	5.407.247.648.956

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	212.491.611	2.124.916.110.000	172.346.173	1.723.461.730.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	212.491.611	2.124.916.110.000	172.346.173	1.723.461.730.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	212.491.611	2.124.916.110.000	172.346.173	1.723.461.730.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2023		2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	172.346.173	1.723.461.730.000	172.346.173	1.723.461.730.000
Cổ phiếu phát hành trong năm (*)	40.145.438	401.454.380.000	-	-
Số dư cuối năm	212.491.611	2.124.916.110.000	172.346.173	1.723.461.730.000

(*) Ngày 21 tháng 9 năm 2023 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành công văn số 6332/UBCK-QLCB công nhận kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của Tổng Công ty.

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Trong vòng một năm	17.800.546.975	14.471.710.459
Từ hai đến năm năm	60.186.462.881	50.882.218.670
Trên năm năm	494.130.441.631	399.284.031.559
	572.117.451.487	464.637.960.688

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	64	1.545.213	64	1.502.220
EUR	101	2.673.933	101	2.506.452
		4.219.146		4.008.672

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2023 VND	2022 VND
Tổng doanh thu		
• Doanh thu bán thành phẩm	3.068.982.891.091	3.064.588.887.651
• Doanh thu bán hàng hóa	80.941.715.003	72.198.264.663
• Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.172.599.938	2.912.096.710
• Doanh thu khác	1.038.209.561	2.025.165.745
	3.154.135.415.593	3.141.724.414.769
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
• Hàng bán bị trả lại	(112.975.903)	(434.519.190)
• Chiết khấu thương mại	(2.017.348.290)	(995.020.283)
	(2.130.324.193)	(1.429.539.473)
Doanh thu thuần	3.152.005.091.400	3.140.294.875.296

28. Giá vốn hàng bán

	2023 VND	2022 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
• Thành phẩm đã bán	2.120.823.056.665	2.100.667.127.972
• Hàng hóa đã bán	71.490.921.263	65.312.888.651
• Dịch vụ đã cung cấp	2.206.840.895	1.476.060.046
• Giá vốn khác	9.438.043.942	8.247.327.713
• Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.731.046.077	991.740.739
	2.205.689.908.842	2.176.695.145.121

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	2023 VND	2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay (*)	259.502.821.127	151.383.727.323
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	5.812.874.004	6.171.401.557
Cổ tức được chia	7.834.000	4.021.500
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.012.246.440	600.391.650
	266.335.775.571	158.159.542.030

(*) Lãi tiền gửi không bao gồm lãi tiền gửi từ Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi.

30. Chi phí tài chính

	2023 VND	2022 VND
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính	-	4.499.900.996
Chi phí lãi vay	-	636.335.055
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	931.746.745	370.396.969
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	20.244.833	765.052
	951.991.578	5.507.398.072

31. Chi phí bán hàng

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân công	46.109.451.001	45.208.900.360
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	222.107.273	40.587.248
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.103.682.148	441.339.392
Chi phí hỗ trợ, quảng cáo, hàng mẫu	620.243.359.149	601.650.796.530
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.588.237.437	39.835.979.023
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	5.423.520.449	4.126.585.290
Chi phí khác bằng tiền	14.990.098.677	6.559.832.461
	725.680.456.134	697.864.020.304

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân công	42.872.355.560	30.318.744.680
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	1.529.987.494	1.280.889.818
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.661.024.248	9.459.289.335
Phân bổ lợi thế thương mại	46.092.371.805	46.092.371.805
Thuế, phí, và lệ phí	2.988.385.865	6.603.440.134
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.962.266.613	20.513.427.668
Chi phí khác bằng tiền	18.344.821.157	13.164.333.082
	143.451.212.742	127.432.496.522

33. Thu nhập khác

	2023 VND	2022 VND
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.432.233.455	20.623.191.753
Tiền phạt, bồi thường thu được	115.290.903	150.215.180
Các khoản khác	13.920.546.226	6.611.342.920
	17.468.070.584	27.384.749.853

34. Chi phí khác

	2023 VND	2022 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	10.438.624.551	45.431.404.600
Chi phí khấu hao tài sản cố định	342.795.660	2.835.413.977
Chi phí vắc xin tiêm phòng bò cho các hộ dân	2.607.466.490	2.758.772.654
Các khoản khác	5.972.230.879	6.629.609.377
	19.361.117.580	57.655.200.608

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.943.257.661.282	1.935.037.666.952
Chi phí hỗ trợ, quảng cáo	616.405.087.689	603.394.874.252
Chi phí nhân công	165.787.173.421	154.017.394.994
Chi phí khấu hao tài sản cố định	129.164.156.803	117.451.756.982
Phân bổ lợi thế thương mại	46.092.371.805	46.092.371.805
Chi phí dịch vụ mua ngoài	122.728.578.381	98.708.079.349
Chi phí khác bằng tiền	66.136.045.530	43.242.776.419

36. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2023 VND	2022 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	51.858.741.460	34.108.796.679
Điều chỉnh theo biên bản quyết toán thuế năm 2021	-	28.931.923
	51.858.741.460	34.137.728.602
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(13.662.933.640)	(14.269.564.638)
	38.195.807.820	19.868.163.964

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	327.303.922.477	257.410.054.307
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	65.460.784.495	51.482.010.861
Thu nhập được miễn thuế	(36.750.877.088)	(42.768.061.000)
Thu nhập không chịu thuế	(1.566.800)	(804.300)
Chi phí không được khấu trừ	13.646.203.974	11.157.641.421
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	347.571.285	6.756.569.117
Lỗ tính thuế đã được sử dụng bởi GTN	-	(884.537.410)
Lỗ tính thuế được sử dụng	(4.506.308.046)	(5.903.586.648)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	28.931.923
	38.195.807.820	19.868.163.964

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư và luật thuế thu nhập hiện hành, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Ngoài ra, theo quy định tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, công ty con của Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng và chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Trong đó thu nhập từ chế biến nông sản, thủy sản được ưu đãi thuế quy định tại Nghị định này phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- » Tỷ lệ giá trị nguyên vật liệu là nông sản, thủy sản trên chi phí sản xuất hàng hóa, sản phẩm từ 30% trở lên; và
- » Sản phẩm, hàng hóa từ chế biến nông sản, thủy sản không thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ trường hợp do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề xuất của Bộ Tài chính.

37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty sau khi trừ đi số phần bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

	2023	2022
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	156.602.643.770	115.961.288.861
Số phần bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(30.082.194.673)	(29.567.811.662)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	126.520.449.097	86.393.477.199
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (số cổ phiếu)	183.564.898	187.445.528
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	689	461

- (*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 dựa trên phần lợi nhuận hợp nhất được phân bổ cho cổ đông phổ thông của Tổng Công ty trong năm 2023.

Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2023	2022
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	172.346.173	250.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành mới trong năm	11.218.725	-
Ảnh hưởng của giao dịch hoán đổi cổ phiếu	-	(75.522.196)
Tăng cổ phiếu do sáp nhập	-	50.831.361
Hủy cổ phiếu sau sáp nhập	-	(37.863.637)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	183.564.898	187.445.528

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
Công ty mẹ		
<i>Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	425.263.034.815	406.392.926.648
Mua hàng hóa, dịch vụ	30.445.101.138	10.811.829.123
Cổ tức	89.788.080.000	94.656.975.000
Thuê tài sản	-	230.000.000
Công ty liên quan khác		
<i>Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam</i>		
Mua hàng hóa, dịch vụ	81.553.115.528	73.708.645.354
Bán hàng hóa	-	1.285.916.313
<i>Công ty TNHH MTV Bò sữa Thống Nhất Thanh Hóa</i>		
Bán hàng hóa	-	900.894.000
Mua hàng hóa	-	215.718.750
<i>Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội</i>		
Mua hàng hóa	14.045.105.000	15.700.925.000

Thù lao và lương của người quản lý chủ chốt

	2023 Triệu VND	2022 Triệu VND
Thành viên Hội đồng quản trị		
<i>Tổng thù lao</i>	384	364
Bà Mai Kiều Liên – Chủ tịch	-	60
Ông Nguyễn Hồng Bách – Thành viên	96	56
Ông Lê Thành Liêm – Thành viên	96	56
Ông Đỗ Hoàng Phúc – Thành viên	96	56
Ông Trịnh Phương Nam – Thành viên (từ ngày 27/4/2023)	64	-
Ông Trịnh Quốc Dũng – Thành viên (đến ngày 27/4/2023)	32	96
Ông Trần Chí Sơn – Thành viên (đến ngày 8/6/2022)	-	40
Ban Tổng Giám đốc		
<i>Tổng thù lao</i>	1.120	997
Ông Đoàn Quốc Khánh – Tổng Giám đốc (từ ngày 20/10/2023)	129	-
Ông Trịnh Phương Nam – Tổng Giám đốc (từ ngày 1/5/2023 đến ngày 19/10/2023)	281	-
Ông Trịnh Quốc Dũng – Tổng Giám đốc (đến ngày 1/5/2023)	242	527
Ông Trần Chí Sơn – Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 29/2/2024)	346	194
Ông Nguyễn Đăng Khoa – Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 25/4/2023)	122	276
Ban Kiểm soát		
<i>Tổng thù lao</i>	240	228
Bà Hà Thị Diệu Thu – Trưởng ban	96	96
Ông Trịnh Công Sơn – Thành viên	72	78
Ông Trương Anh Vũ – Thành viên	72	48
Ông Trịnh Công Tuyển – Thành viên (đến ngày 8/6/2022)	-	6

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)


39. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư


	2023 VND	2022 VND
Cần trừ công nợ giữa đầu tư ứng vốn cho các hộ chăn nuôi và phải trả tiền mua sữa trong năm	37.360.235.562	44.773.900.000


40. Thông tin so sánh


Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

18-03-2024

Người lập: 
Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Người xem xét: 
Nguyễn Đức Nam
Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt: 
Đoàn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc







TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Tầng 14, tháp A, tòa nhà Handiresco
số 521 Kim Mã, phường Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội
Tel: 84-24 3 8626 763 - 84-24 3 8626 769
Email: vilico@vilico.vn

www.vilico.vn